

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số: 60 38 01 01

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. VŨ TRỌNG HÁCH

HÀ NỘI

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nêu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết Lời cam đoan này đề nghị Khoa Luật xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

NGƯỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ HỘ TỊCH	5
1.1. Những khái niệm có liên quan đến đề tài	5
1.1.1. Khái niệm hộ tịch	5
1.1.2. Khái niệm quản lý hộ tịch	9
1.2. Sự cần thiết phải quản lý và đăng ký hộ tịch	13
1.3. Đối tượng, nội dung, chủ thể và vai trò của quản lý hộ tịch	14
1.3.1. Đối tượng và phạm vi quản lý hộ tịch	14
1.3.2. Nội dung quản lý hộ tịch	15
1.3.3. Trách nhiệm của chủ thể quản lý hộ tịch	16
1.3.4. Vai trò của quản lý hộ tịch	21
1.4. Pháp luật về hộ tịch- Cơ sở pháp lý để quản lý hộ tịch	22
1.4.1. Quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch	23
1.4.2. Quan hệ pháp luật về quản lý hộ tịch	25
1.5. Kinh nghiệm quản lý hộ tịch ở một số địa phương và bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho Hải Phòng	26
1.5.1. Công tác lưu trữ sổ hộ tịch và tra cứu dữ liệu hộ tịch ở thành phố Hà Nội	26
1.5.2. Áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở thành phố Hồ Chí Minh	

1.5.3. Bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	31
---	----

Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HỘ TỊCH Ở HẢI PHÒNG

HIỆN NAY	33
2.1. Khái quát chung về Hải Phòng	33
2.1.1. Vị trí địa lý	33
2.1.2. Dân cư	34
2.1.3. Tình hình kinh tế- xã hội	34
2.2. Kết quả quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	36
2.2.1. Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác hộ tịch	36
2.2.2. Thực trạng bộ máy quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	37
2.2.3. Thực trạng đội ngũ công chức làm công tác quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	39
2.2.4. Công tác kiểm tra, thanh tra trong quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	43
2.2.5. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	44
2.2.6. Thực trạng công tác quản lý và đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng	47
2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong quản lý hộ tịch	51
2.3.1. Những hạn chế	51
2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế	57

Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HỘ TỊCH Ở HẢI PHÒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1.	Phương hướng quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	67
3.1.1.	Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hộ tịch	67
3.1.2.	Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương	71
3.1.3.	Bảo đảm, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân	72
3.2.	Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	73
3.2.1.	Hoàn thiện pháp luật hộ tịch	73
3.2.2.	Kiện toàn bộ máy quản lý hộ tịch ở Hải Phòng	77
3.2.3.	Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở Hải Phòng	79
3.2.4.	Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong quản lý hộ tịch	84
3.2.5.	Tăng cường mối quan hệ giữa các chủ thể có trách nhiệm trong quản lý hộ tịch	86
3.2.6.	Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho quản lý hộ tịch ở địa phương	88
	KẾT LUẬN	90
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 2.1:	Số liệu tổng rà soát đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn tính đến 09/2013	41
Bảng 2.2:	Thực trạng đăng ký hộ tịch của cấp xã từ năm 2009- 2013	47
Bảng 2.3:	Thực trạng đăng ký hộ tịch của cấp huyện từ năm 2008-2010	48
Bảng 2.4:	Thực trạng đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng từ năm 2009-2013	50

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý dân cư là một trong những chức năng cơ bản của Nhà nước, một trong những biện pháp để nhà nước quản lý dân cư đó là thông qua các chính sách về hộ tịch.

Ngày nay với xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hoá thì vấn đề dân cư càng trở lên phức tạp và đặc biệt để đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi nhà nước phải có những phương thức quản lý mới phù hợp với điều kiện thực tiễn để có thể quản lý được dân cư một cách hiệu quả mà vẫn phải đảm bảo tính dân chủ, nhanh chóng, kịp thời cho nhân dân. Chính vì vậy các chính sách về hộ tịch luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, trong những năm qua cùng với việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thì quản lý và đăng ký hộ tịch cũng đã đạt được những thành tựu to lớn như: Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch được củng cố, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch được tăng cường; hệ thống sổ sách, dữ liệu hộ tịch được lưu trữ và sử dụng lâu dài; khẳng định vai trò trong quản lý nhà nước và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân. Tỷ lệ đăng ký hộ tịch đã tăng lên khá cao, đặc biệt ở các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, nơi điều kiện kinh tế còn khó khăn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký quản lý hộ tịch đạt được những thành tựu bước đầu. Công tác đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài đã có những chuyển biến tích cực, cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước cũng như đăng ký các việc hộ tịch phát sinh giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài.

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đã đạt được, hoạt động quản lý và đăng ký hộ tịch ở nước ta hiện nay còn nhiều hạn chế và bất cập: Hiện có quá nhiều văn bản cùng điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch, tạo nên độ phức tạp,

gây khó khăn cho cơ quan hộ tịch khi áp dụng, người dân cũng khó phân biệt việc hộ tịch của mình sẽ áp dụng theo văn bản nào. Còn tình trạng đăng ký không kịp thời, chưa đầy đủ và thiếu chính xác; dữ liệu hộ tịch của cá nhân bị phân tán; đăng ký quá hạn, đăng ký lại còn chiếm tỉ lệ tương đối cao... Đứng trước tình hình đó đòi hỏi phải có một cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất để điều chỉnh lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch.

Vì vậy, học viên chọn đề tài: ***“Quản lý hộ tịch - qua thực tiễn Hải Phòng”***

làm luận văn cao học luật mã ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch ở Việt Nam đã được nhiều tác giả nghiên cứu. Đã có nhiều công trình khoa học của nhiều tác giả được công bố, như:

- Ths. Phạm Trọng Cường (2004), “Về quản lý hộ tịch”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội;
- Ths. Phạm Trọng Cường (2007), “Từ quản lý đình đến quản lý hộ tịch”, NXB Tư Pháp, Hà Nội;
- Bài “Thực trạng đội ngũ công chức tư pháp- hộ tịch và yêu cầu chuẩn hóa” của tác giả Trần Thị Lệ Hoa, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật số chuyên đề pháp luật hộ tịch năm 2013.
- Viện nghiên cứu khoa học và pháp lý- Bộ Tư pháp (2000), “Bảo vệ quyền trẻ em trong pháp luật về quốc tịch và đăng ký hộ tịch ở Việt Nam”, NXB chính trị Quốc gia, Hà Nội;
- Bộ Tư pháp (2007), “Nghịệp vụ đăng ký hộ tịch”, NXB Tư pháp, Hà Nội;
- Viện nghiên cứu khoa học pháp lý - Bộ Tư pháp (1995), “Chuyên đề thông tin khoa học pháp lý về hộ tịch”;
- Bộ Tư pháp (2006) “Hướng dẫn nghiệp vụ Đăng ký và quản lý hộ tịch”, NXB Tư pháp, Hà Nội;

- Bộ Tư Pháp (2006) “Quy định mới về đăng ký và quản lý hộ tịch”, NXB Chính trị Quốc gia;
- Bộ Tư pháp (2007), “Nghịệp vụ đăng ký hộ tịch”, NXB Tư pháp, Hà Nội;
- Bộ Tư pháp (2010) “Tài liệu Hướng dẫn nghiệp vụ Tư pháp xã, phường, thị trấn”, NXB Tư pháp;
- Chuyên đề “Quản lý hành chính-Tư pháp” trong chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính của Học viện hành chính.
- Giáo trình “Quản lý hành chính-Tư pháp” của Học viện hành chính, nhà xuất bản Khoa học năm 2008 (dành cho đào tạo trung cấp hành chính)

Và nhiều công trình nghiên cứu khoa học khác nhau nữa ở những phương diện và cấp độ khác nhau về quản lý hộ tịch. Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu về hộ tịch ở một địa bàn cụ thể như thành phố Hải Phòng.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn

- Mục đích nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hộ tịch và thực tiễn quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hộ tịch ở địa bàn.

- Nhiệm vụ nghiên cứu

- + Làm rõ cơ sở lý luận quản lý hộ tịch
- + Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hộ tịch ở Hải Phòng hiện nay
- + Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng trong giai đoạn hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận

Luận văn được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về

nhà nước và pháp luật, về hộ tịch và quản lý hộ tịch.

- Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, nghiên cứu đề tài theo quan điểm hệ thống, khách quan, toàn diện, quan điểm lịch sử cụ thể.

Học viên lựa chọn những phương pháp cụ thể để nghiên cứu đề tài của luận văn như: Phương pháp phân tích- tổng hợp; Phương pháp so sánh; Phương pháp liệt kê; Phương pháp quan sát thực tế; Phương pháp xã hội học và các phương pháp hỗ trợ khác...

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Hoạt động Quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

- Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Quản lý hộ tịch ở Hải Phòng từ năm 2009 đến 2013

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn góp phần làm rõ cơ sở lý luận về quản lý hộ tịch (khái niệm hộ tịch, khái niệm, nội dung quản lý hộ tịch, trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý hộ tịch, vai trò của quản lý hộ tịch...).

Luận văn phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hộ tịch ở Hải Phòng hiện nay (những yếu tố tác động, hệ thống văn bản, tổ chức bộ máy...những kết quả, hạn chế và nguyên nhân).

Luận văn đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi để nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo nội dung luận văn có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận quản lý hộ tịch

Chương 2: Thực trạng quản lý hộ tịch ở Hải Phòng hiện nay

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng hiện nay.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ HỘ TỊCH

1.1. Những khái niệm có liên quan đến đề tài

1.1.1. Khái niệm hộ tịch

1.1.1.1. Dưới góc độ ngôn ngữ học

Thuật ngữ “Hộ tịch” là một từ ngoại lai được du nhập vào ngôn ngữ tiếng Việt, nên rất khó xác định được thời điểm xuất hiện và cũng có rất nhiều cách giải nghĩa khác nhau.

Các từ điển Hán- Việt của nhiều tác giả khác nhau nhưng đều có sự tương đồng và những khía cạnh đặc biệt trong cách giải nghĩa từ “hộ tịch”, như sau:

- Hộ tịch: Quyển sổ ghi chép tên tuổi, quê quán nghề nghiệp của mọi người trong một địa phương [23, tr.321].
- Hộ tịch: Sổ biên dân số có ghi rõ họ, quê quán và chức nghiệp của từng người [21, tr.404].
- Hộ tịch: Sổ biên nhận một số địa phương hoặc cả toàn quốc, trong đó ghi rõ tên, họ, quê quán và chức nghiệp của từng người [35, tr.296].
- Hộ tịch: Quyển sổ của Chính phủ biên chép số người, chức vụ và tịch quán của từng người [1, tr.9];
- Hộ tịch: Sổ sách ghi chép tên, họ, nghề nghiệp dân cư ngụ trong xã phường [20, tr.814].
- Hộ tịch: Quyền cư trú, được chính quyền công nhận của một người tại nơi mình ở thường xuyên, của những người thường trú thuộc cùng một hộ, do chính quyền cấp cho từng hộ để xuất trình khi cần [14, tr.385]...

Như vậy nghĩa của từ “Hộ tịch” xét về góc độ ngôn ngữ còn tồn tại

nhiều cách hiểu khác nhau, thậm chí có cuốn từ điển giải nghĩa còn thể hiện sự nhầm lẫn cơ bản giữa hai khái niệm „hộ tịch“ và “hộ khẩu”. Điều này phản ánh một thực tế là sự nhầm lẫn giữa hai khái niệm này trong nhận thức xã hội còn khá phổ biến.

1.1.1.2. Dưới khía cạnh pháp lý

- Quan niệm của một số học giả miền Nam Việt Nam thời kì trước năm 1975

Khái niệm „Hộ tịch” lần đầu tiên được định nghĩa trong các giáo trình giảng dạy của Đại học Luật khoa Sài Gòn dưới chế độ Việt Nam Cộng hòa trong đó nổi lên quan điểm của một số tác giả sau:

Tác giả Phan Văn Thiết có thể coi là người đầu tiên trình bày quan điểm “hộ tịch” trong cuốn tài liệu chuyên khoa xuất bản năm 1958 như sau: *“Hộ tịch”- còn gọi là nhân thể bộ- là cách sinh hợp pháp của một công dân trong gia đình và xã hội. Hộ tịch căn cứ vào ba hiện tượng quan trọng của con người: sinh, giá thú, tử*” [34].

Tác giả Trần Thúc Linh, tác giả cuốn *Danh từ pháp luật lược giải* vốn được đánh giá là một trong những từ điển chuyên ngành pháp lý đầu tiên, nhưng không đưa ra khái niệm về “hộ tịch” mà đưa ra khái niệm về “chứng thư hộ tịch”: Chứng thư hộ tịch là những giấy từ công chứng dùng để chứng minh một cách chính xác thân trạng của một người như ngày tháng năm sinh, tử, giá thú, họ tên, con trai, con gái, tư cách vợ chồng... tóm lại tình trạng xã hội của con người từ lúc sinh ra đến khi chết [24].

- Quan niệm về hộ tịch ở nước ta hiện nay

Khái niệm “hộ tịch” cũng là một trường hợp đặc biệt trong hệ thống pháp lý tiếng Việt. Bản thân khái niệm này hoàn toàn không dễ dàng định nghĩa một cách minh bạch, điều đó cũng có nghĩa là việc sử dụng nó không thuận tiện theo nguyên tắc sử dụng ngôn ngữ khi xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật. Trên thực tế, đã từng có những cuộc thảo luận trong giới chuyên môn về việc thay thế khái niệm này bằng một khái niệm khác thông dụng hơn, dễ hiểu hơn. Tuy nhiên, do khái niệm này, trải qua một quá trình lịch sử đã dần trở thành ngôn ngữ phổ thông ăn sâu trong nhận thức của người dân nên giải pháp đi tìm khái niệm Việt hóa thay thế không được lựa chọn mà thay vào đó các nhà làm luật đã dung hòa bằng cách mà Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho phép, đó là sử dụng khái niệm này với tư cách là một thuật ngữ chuyên môn và định nghĩa trong văn bản. Theo đó, định nghĩa về “hộ tịch” từ Nghị định số 83/1998/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 10/10/1998 về đăng ký hộ tịch và cho đến Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch như sau: *"Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra cho đến khi chết"* [10, Điều 1].

Với mỗi vấn đề hộ tịch thì có giấy tờ hộ tịch về vấn đề đó. Giấy tờ hộ tịch là giấy tờ có giá trị chứng minh thực tế về thân trạng của mỗi công dân. Giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đó là cơ sở pháp lý chứng minh các quyền và nghĩa vụ của công dân phát sinh từ sự kiện hộ tịch. Trong đó giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân. Do vậy, tất cả các loại giấy tờ về hộ tịch đều phải thống nhất với giấy khai sinh của cá nhân người đó. Chính vì tính chất quan trọng của giấy tờ hộ tịch như vậy nên pháp luật có quy định rất chặt chẽ, cụ thể các nguyên tắc, thủ tục, trình tự đăng ký và cấp các loại giấy tờ về hộ tịch.

Đi kèm với khái niệm về hộ tịch, Nghị định 158/2005/NĐ-CP còn nêu ra khái niệm “Đăng ký hộ tịch” như sau:

Đăng ký hộ tịch là hành vi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Xác nhận các sự kiện: sinh, kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận, cha, mẹ con; thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ

tịch; xác định lại giới tính; xác định lại dân tộc. Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ghi vào sổ hộ tịch các việc: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; hủy việc kết hôn trái pháp luật; chấm dứt nuôi con nuôi [10, Điều 1].

Như vậy kết hợp giữa hai định nghĩa về hộ tịch và đăng ký hộ tịch mới có thể mang lại cách hiểu đầy đủ về khái niệm “hộ tịch”. Tuy nhiên, bên cạnh đó khi nói về định nghĩa hành vi đăng ký hộ tịch, Nghị định số 158/2005/NĐ-CP đồng thời đã phân biệt thành hai nhóm hành vi với tính chất khác nhau rõ ràng:

- Hành vi xác nhận các sự kiện: sinh; kết hôn; tử; nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi họ, tên, chữ đệm; cải chính họ, tên, chữ đệm, ngày, tháng, năm sinh; xác định lại dân tộc; xác định lại giới tính; đăng ký khai sinh, khai tử quá hạn; đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi. Đối với các sự kiện hộ tịch nói trên cơ quan đăng ký hộ tịch xác nhận bằng cách đăng ký vào sổ dành riêng cho từng loại việc, đồng thời cấp cho đương sự giấy chứng nhận về việc đó (như giấy khai sinh; giấy chứng nhận kết hôn...). Hành vi xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch đã làm phát sinh hiệu lực pháp lý của các sự kiện hộ tịch được đăng ký. Chỉ sau khi đăng ký, các sự kiện đó mới làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của cá nhân.

- Hành vi ghi chú vào sổ hộ tịch các việc về ly hôn; xác nhận cha, mẹ, con, thay đổi quốc tịch; mất năng lực hành vi dân sự; hạn chế năng lực hành vi dân sự; hủy hôn trái pháp luật; hạn chế quyền của cha, mẹ, đối với con chưa thành niên... Khác với hành vi xác nhận, đối với các loại việc hộ tịch này, cơ quan đăng ký hộ tịch chỉ đơn thuần căn cứ vào quyết định bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (ví dụ: Bản án hoặc quyết định của Tòa án giải quyết việc ly hôn, Quyết định của Chủ tịch nước cho một số người thôi quốc tịch Việt Nam...) ghi chú việc đó vào Sổ hộ tịch.

Như vậy, đăng ký hộ tịch là một hoạt động nằm trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch.

1.1.2. Khái niệm quản lý hộ tịch

Ở nước ta, việc đăng ký và quản lý hộ tịch có lịch sử lâu đời từ thời phong kiến nhà Trần và các triều đại phong kiến tiếp theo. Tuy nhiên, việc quản lý hộ tịch được thực hiện một cách đầy đủ, khoa học chỉ được bắt đầu từ thời kỳ Pháp thuộc. Điểm nổi bật trong hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch của thời kỳ Pháp thuộc là có một đội ngũ hương chức làm công tác hộ tịch, gọi là Hộ lại. Hộ lại là người nắm giữ sổ sách hộ tịch và trực tiếp đăng ký các việc hộ tịch trong địa bàn cấp xã do mình phụ trách. Vì việc quản lý hộ tịch đòi hỏi phải nắm rất kỹ từng người dân, từng gia đình nên chức danh Hộ lại được bổ nhiệm suốt đời (trừ phi bị truất chức do vi phạm), thậm chí được khuyến khích “cha truyền con nối”. Điểm nổi bật thứ hai trong quản lý hộ tịch thời Pháp thuộc là có hệ thống sổ sách hộ tịch (gọi là “sổ bộ”) đầy đủ, khoa học và bảo đảm rất cẩn thận. Hiện nay, một số sổ sách hộ tịch thời Pháp thuộc vẫn còn được lưu giữ tại các thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch vẫn được Nhà nước ta tiếp tục duy trì và phát triển. Theo tinh thần của Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì các thể lệ đăng ký hộ tịch đã được quy định trong Bộ Dân luật giản yếu được áp dụng ở Nam Kỳ, Hoàng Việt hộ luật được áp dụng ở Trung kỳ và Dân luật Bắc Kỳ vẫn được tiếp tục áp dụng.

Ngày 08/5/1956, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 764/TTg kèm theo Bản Điều lệ hộ tịch. Ngày 16/01/1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 04/CP, kèm theo Bản điều lệ nói trên, thì Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an) là cơ quan được Hội đồng Chính phủ giao nhiệm vụ thống

nhất chỉ đạo, tổ chức quản lý hộ tịch, việc đăng ký hộ tịch do Ủy ban hành chính xã, thị trấn, thị xã, khu phố phụ trách.

Từ năm 1987, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hộ tịch được chuyển giao từ Bộ Nội vụ sang Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân các cấp trên cơ sở Nghị định số 219/HĐBT ngày 20/11/1987 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ); từ thời điểm này, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ thống nhất quản lý Nhà nước về hộ tịch trên phạm vi cả nước.

Quản lý hộ tịch của nhà nước ta hiện nay được hiểu là toàn bộ hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các mục tiêu của công tác quản lý hộ tịch là xác định rõ ràng, đầy đủ nhân thân và những sự kiện thay đổi của mỗi người dân, thu thập đầy đủ các thông tin về dân số, để phục vụ cho công tác thống kê có căn cứ xây dựng các chương trình kế hoạch Nhà nước; tổ chức bộ máy đăng ký hộ tịch gọn nhẹ, hoạt động nhịp nhàng trôi chảy có hiệu quả, đồng thời tạo điều kiện dễ dàng, thuận lợi cho mọi người dân khi có yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc xin cấp giấy chứng nhận về hộ tịch.

Là một trong những nội dung của quản lý hành chính nhà nước về hành chính- tư pháp, quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch tập trung chủ yếu vào các hoạt động: ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động hộ tịch; phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch; quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan hộ tịch; đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về đăng ký hộ tịch; bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho một số hoạt động hộ tịch; tổng kết hoạt động hộ tịch; báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động đăng ký hộ tịch.

Quản lý hộ tịch là một lĩnh vực quản lý thân trạng của công dân và thực

trạng của từng gia đình với những nét chính yếu nhất. Vì vậy hoạt động quản lý hộ tịch phải bao gồm những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất: quản lý hộ tịch là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước

Quyền lực nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước đối với lĩnh vực hộ tịch trước hết thể hiện ý chí của nhà nước thông qua phương tiện nhất định, trong đó phương tiện cơ bản và đặc biệt quan trọng được sử dụng là văn bản quản lý hộ tịch. Bằng việc ban hành văn bản, chủ thể quản lý hộ tịch thể hiện ý chí của mình dưới dạng các hoạt động áp dụng pháp luật; dưới dạng các mệnh lệnh cá biệt nhằm áp dụng pháp luật vào thực tiễn.

Thứ hai: Hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch có tính chấp hành và điều hành

Tính chấp hành và điều hành của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện trong việc những hoạt động này được tiến hành trên cơ sở pháp luật và nhằm thực hiện pháp luật, cho dù đó là hoạt động chủ động sáng tạo của chủ thể quản lý thì cũng không được vượt quá khuôn khổ pháp luật, điều hành cấp dưới, trực tiếp áp dụng pháp luật hoặc tổ chức những hoạt động thực tiễn..., trên cơ sở quy định pháp luật nhằm hiện thực hóa pháp luật.

Tính điều hành của hoạt động quản lý nhà nước về hộ tịch thể hiện trong việc chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Trong quá trình đó, các chủ thể này, không chỉ tự mình thực hiện pháp luật mà quan trọng hơn cả chúng đảm nhận chức năng chỉ đạo nhằm vận hành hoạt động của các cơ quan đơn vị trực thuộc theo một quy trình thống nhất; tổ chức để mọi đối tượng có liên quan thực hiện pháp luật nhằm thực hiện hóa các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ quản lý.

Thứ ba: Quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là hoạt động được tiến hành bởi những chủ thể có quyền năng hành pháp là các công chức trong bộ máy nhà nước.

Chủ thể chủ yếu thực hiện hành chính nhà nước về hộ tịch là các cơ quan quản lý hành chính nhà nước như: Chính phủ, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, đội ngũ công chức làm công tác Tư pháp- hộ tịch.

Thứ tư: Quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là hoạt động có tính thống nhất, được tổ chức chặt chẽ và mang tính liên tục.

Quản lý nhà nước đối với hộ tịch luôn cần có tính liên tục, kịp thời và linh hoạt để đáp ứng sự vận động không ngừng của đời sống xã hội. Chính điểm đặc thù này được coi là một cơ sở quan trọng trong việc xác lập quy định về tổ chức bộ máy quản lý hộ tịch gọn nhẹ, có sự linh hoạt trong tổ chức, có đội ngũ công chức quản lý hộ tịch năng động sáng tạo, quyết đoán và chịu sự ràng buộc trách nhiệm đối với hoạt động của mình

Để bảo đảm pháp chế trong hoạt động hộ tịch, bộ máy các cơ quan hộ tịch được tổ chức thành một khối thống nhất từ Trung ương tới địa phương, nhờ đó các hoạt động của bộ máy được chỉ đạo, điều hành thống nhất, bảo đảm lợi ích chung của cả nước, bảo đảm sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các địa phương tạo sức mạnh tổng hợp của cả nước, tránh được sự cục bộ phân hóa giữa các địa phương hay vùng miền khác nhau. Tuy nhiên do mỗi địa phương có những nét đặc thù riêng về điều kiện kinh tế-xã hội nên để có thể phát huy tối đa những yếu tố của từng địa phương, tạo sự năng động sáng tạo trong quản lý điều hành, bộ máy quản lý hộ tịch còn được tổ chức theo hướng phân cấp, trao quyền tự quyết, tạo sự chủ động sáng tạo cho chính quyền địa phương.

Như vậy, có thể hiểu quản lý hành chính nhà nước về hộ tịch là một hình thức hoạt động của nhà nước, do các chủ thể có thẩm quyền (trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, người có thẩm quyền) thực hiện trên cơ sở là để thi hành pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch, góp phần vào

bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế- xã hội [18].

1.2. Sự cần thiết phải quản lý và đăng ký hộ tịch

Đăng ký và quản lý hộ tịch là nhiệm vụ quan trọng, luôn được các quốc gia quan tâm đặc biệt. Thông qua hoạt động này, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đồng thời có biện pháp quản lý dân cư có hiệu quả, từ đó có cơ sở pháp lý xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế- xã hội, quốc phòng- an ninh của đất nước. Các sự kiện hộ tịch cơ bản của mỗi người từ khi sinh ra đến khi chết đi đều được đăng ký, bao gồm: Khai sinh, kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi, giám hộ, thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, khai tử.... Đây là cơ sở để nhà nước quản lý dân cư và xã hội.

Trong bối cảnh đất nước đang bước sang một giai đoạn phát triển mới, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, với việc dịch chuyển dân cư trong nước và quốc tế ngày càng gia tăng thì công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập: Thẻ chế còn chấp vá, thiếu đồng bộ; đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch còn thiếu, chất lượng còn bất cập, chưa chuyên nghiệp, thiếu ổn định; việc tác nghiệp còn thủ công, không phù hợp với định hướng xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại; dữ liệu về hộ tịch bị phân tán ở nhiều cấp khác nhau, thông tin, số liệu thống kê về hộ tịch còn thiếu chính xác, độ tin cậy chưa đạt yêu cầu. Những bất cập, hạn chế, yếu kém này đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trở thành “điểm nghẽn”, từ đó ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả công tác quản lý dân cư, quản lý xã hội.

Hiện nay, cả nước đang chung tay thực hiện mạnh mẽ cải cách thủ tục hành chính, trong đó việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh

vực đăng ký và quản lý hộ tịch có vị trí quan trọng, được coi là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong lộ trình cải cách hành chính quốc gia. Chính vì vậy, việc tăng cường công tác quản lý và đăng ký hộ tịch là nhiệm vụ cấp thiết, và phải đảm bảo được cả hai yêu cầu về hiệu quả quản lý nhà nước và yêu cầu phục vụ nhân dân. Để đáp ứng được yêu cầu về quản lý nhà nước, bảo đảm tính chính xác của việc đăng ký hộ tịch, thủ tục đăng ký hộ tịch đòi hỏi phải được quy định chặt chẽ, tạo khả năng phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý hộ tịch. Đồng thời phải cải cách thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng giản tiện, tạo thuận lợi tối đa để đáp ứng yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân một cách nhanh chóng và kịp thời. Đây chính là lí do vì sao phải tăng cường công tác quản lý và đăng ký hộ tịch trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Đối tượng, nội dung, chủ thể và vai trò của quản lý hộ tịch

1.3.1. Đối tượng và phạm vi quản lý hộ tịch

Là một trong hoạt động quản lý nhà nước về con người, hoạt động quản lý hộ tịch hướng đến đối tượng quản lý là các đặc điểm nhân thân làm căn cước của mỗi cá nhân. Căn cước của mỗi cá nhân được hình thành từ rất nhiều đặc điểm nhân thân gắn liền với cá nhân đó: như họ, tên, ngày, tháng, năm, sinh, giới tính, dân tộc, tôn giáo, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi sinh, nơi cư trú, các mối quan hệ gia đình, tiền án, tiền sự...

Tất cả các đặc điểm nhân thân của cá nhân nói trên đều là đối tượng quản lý của hoạt động quản lý nhà nước về căn cước của cá nhân. Để phân biệt đối tượng quản lý hộ tịch với các đối tượng thuộc phạm trù quản lý căn cước của con người như quản lý hộ khẩu, quản lý lý lịch tư pháp, quản lý chứng minh nhân dân.... Trong đó đối tượng của hoạt động quản lý hộ tịch có những thuộc tính sau: tính ổn định, tính công khai, có khả năng phổ biến thông tin.

Nhìn từ góc độ quản lý thì phạm vi quản lý hộ tịch không chỉ giới hạn trong đối tượng công dân Việt Nam mà còn bao gồm cả người nước ngoài, người không quốc tịch. Phạm vi quản lý từ đó được thực hiện thông qua các nội dung quản lý đã được nêu tại Điều 1, Nghị định số 158/NĐ-CP, bao gồm:

- Quản lý các sự kiện sinh; tử; kết hôn; nuôi con nuôi; nhận cha, mẹ, con, giám hộ;
- Quản lý việc thay đổi hộ tịch, cải chính hộ tịch; bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch; xác định lại giới tính; xác định lại dân tộc.
- Quản lý sự thay đổi các đặc điểm nhân thân do các sự kiện ly hôn; xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; chấm dứt nuôi con nuôi.

1.3.2. Nội dung quản lý hộ tịch

Nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch tập trung chủ yếu vào các hoạt động sau đây:

- Ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, kế hoạch, định hướng về hoạt động hộ tịch;
- Phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch;
- Thực hiện đăng ký hộ tịch;
- Quản lý hệ thống tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động hộ tịch;
- Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ về hộ tịch;
- Kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động hộ tịch;
- Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để phục vụ cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Hợp tác quốc tế về hộ tịch;

- Thống kê nhà nước về hộ tịch;
- Tổng kết hoạt động hộ tịch, báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về hoạt động hộ tịch.

So với thời kì trước đây, ta thấy nội dung quản lý nhà nước về hộ tịch hiện nay được mở rộng rất nhiều. Đây là một bước tiến quan trọng cho thấy hoạt động quản lý con người ngày càng được quan tâm một cách toàn diện.

1.3.3. Trách nhiệm của chủ thể quản lý hộ tịch

1.3.3.1. Chủ thể quản lý hộ tịch

Chủ thể thực hiện quản lý hộ tịch ở nước ta hiện nay:

- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân các cấp (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) Chủ thể thực hiện đăng ký hộ tịch gồm:
 - Ủy ban nhân dân các cấp (cấp tỉnh, huyện, xã) và cơ quan chuyên môn giúp việc cho Ủy ban nhân dân về vấn đề này (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp);
 - Công chức trực tiếp làm công tác hộ tịch (Công chức Tư pháp- Hộ tịch)

1.3.3.2. Trách nhiệm của các chủ thể quản lý hộ tịch

a. Trách nhiệm của Chính phủ, Bộ Tư pháp

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch.
- Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn như sau:
 - + Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - + Hướng dẫn, chỉ đạo chung việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - + Ban hành, hướng dẫn việc sử dụng thống nhất các loại sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

- + Kiểm tra, thanh tra việc đăng ký và quản lý tài sản;
 - + Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch báo cáo Chính phủ theo định kỳ hàng năm;
 - + Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hộ tịch theo thẩm quyền;
 - + Nghiên cứu việc áp dụng công nghệ tin học trong đăng ký, quản lý hộ tịch.
- Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch đối với công dân Việt Nam ở nước ngoài. Có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- + Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đăng ký và quản lý hộ tịch của các Cơ quan ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam.
- + Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho viên chức Lãnh sự của các cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam.
- + Lưu trữ Sổ hộ tịch do các Cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam chuyển về;
- + Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- + Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch của Cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam gửi về Bộ Tư pháp theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- + Giải quyết khiếu nại, tố cáo về hộ tịch theo thẩm quyền.

b. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Hướng dẫn, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Xây dựng hệ thống tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác hộ tịch;

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Kiểm tra, thanh tra việc đăng ký và quản lý hộ tịch trong phạm vi địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền;
- Quản lý, sử dụng các loại Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch; báo cáo Bộ Tư pháp theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Hàng năm bố trí kinh phí cho việc mua và in các Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch, đáp ứng yêu cầu đăng ký hộ tịch ở địa phương; trang bị cơ sở vật chất để phục vụ cho hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch;

Quyết định việc thu hồi và hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Giám đốc Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái với quy định của Nghị định này;

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm g; khoản 1 điều 77 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005. Thực hiện đăng ký các việc thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức thuộc Sở Tư pháp trong đăng ký và quản lý hộ tịch, thì Giám đốc Sở Tư pháp phải chịu trách nhiệm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương mình, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải chịu trách nhiệm.

c. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Thực hiện giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi;
- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho cán bộ tư pháp hộ tịch;
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Quản lý, sử dụng các loại Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền;

Quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trái quy định tại Nghị định 158/2005/NĐ-CP (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình).

Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch theo quy định tại điều 78 Nghị định số 158/2005/NĐ-CP.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý hộ tịch mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức

trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương mình, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải chịu trách nhiệm.

d. Trách nhiệm của Ủy ban dân cấp xã

Trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện đăng ký các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Nghị định này;
- Tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về hộ tịch;
- Quản lý, sử dụng các loại Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình và số liệu thống kê hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền.

Cán bộ Tư pháp-Hộ tịch là công chức cấp xã, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong đăng ký và quản lý hộ tịch theo quy định tại khoản 1 Điều 79 Nghị định 158/2005/NĐ-CP. Đối với những xã, phường, thị trấn có đông dân cư, số lượng công việc hộ tịch nhiều, thì phải có cán bộ chuyên trách làm công tác hộ tịch, không kiêm nhiệm các công tác tư pháp khác. Cán bộ Tư pháp-Hộ tịch phải có đủ tiêu chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và phải có thêm các tiêu chí sau đây: có bằng tốt nghiệp trung cấp luật trở lên; được bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác hộ tịch; Chữ viết rõ ràng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tình hình đăng ký

và quản lý hộ tịch của địa phương. Trong trường hợp do buông lỏng quản lý hộ tịch mà dẫn đến những sai phạm, tiêu cực của cán bộ, công chức trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương mình, thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải chịu trách nhiệm.

đ. Trách nhiệm của Cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam

Cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam thực hiện việc quản lý nhà nước về hộ tịch, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện đăng ký các việc hộ tịch cho công dân Việt Nam ở nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp và Bộ Ngoại giao;
- Quản lý, sử dụng các loại Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Bộ Tư pháp;
- Lưu trữ Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch;
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ Sổ hộ tịch;
- Tổng hợp tình hình số liệu thống kê hộ tịch báo cáo Bộ Ngoại giao theo định kỳ 6 tháng và hàng năm;
- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hộ tịch theo thẩm quyền. Viên chức Lãnh sự làm công tác hộ tịch có trách nhiệm giúp Cơ quan

Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo quy định tại điều 80 Nghị định 158/2005/NĐ-CP.

1.3.4. Vai trò của quản lý hộ tịch

Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định nhân thân của một người từ lúc sinh ra cho đến khi chết. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và quyền nhân thân của con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 và Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định việc xác định các sự kiện hộ tịch như: quyền thay đổi họ tên, quyền xác định lại dân tộc, quyền được khai sinh, quyền được khai tử, quyền được kết hôn, quyền ly hôn, quyền nhận hoặc không nhận cha, mẹ, con,...

Ngày nay khi quyền con người được nhận thức như một giá trị chung của nhân loại thì cùng với nó, hầu hết các quốc gia đều nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc quản lý hộ tịch.

Quản lý hộ tịch được coi là một khâu nằm ở vị trí trung tâm của hoạt động quản lý dân cư của mỗi quốc gia. Quản lý hộ tịch có vai trò hết sức quan trọng, thông qua hoạt động này sẽ tạo cơ sở để xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh... của đất nước. Công tác này cũng đồng thời tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước công nhận và bảo hộ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được ghi nhận trong Hiến pháp và Bộ luật Dân sự hiện hành... Có thể nói công tác quản lý hộ tịch có tác động đến mọi người dân trong suốt quá trình từ khi sinh ra cho đến khi chết. Do vậy, đây là một công việc hết sức biến động và phức tạp. Chính vì vậy, quản lý hộ tịch luôn được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm, nhất là trong giai đoạn hiện nay, quản lý hộ tịch được coi là một khâu quan trọng trong tiến trình cải cách thủ tục hành chính của nước ta.

1.4. Pháp luật về hộ tịch- Cơ sở pháp lý để quản lý hộ tịch

Hiện nay, trong các văn bản pháp luật (Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Luật nuôi con nuôi năm 2010 và các Nghị định...), các tài liệu sách báo pháp lý, thuật ngữ "pháp luật về hộ tịch" được sử dụng khá phổ biến. Tuy nhiên việc sử dụng thuật ngữ này trong các nghiên cứu chỉ mang tính ước định và tùy từng trường hợp, nội hàm của nó được xác định theo nghĩa rộng hoặc theo nghĩa hẹp có sự khác nhau cơ bản. Theo những cách hiểu khác nhau đó việc xác định các quy phạm pháp luật và các quan hệ pháp luật về hộ tịch cũng có sự khác nhau.

Hiểu theo nghĩa rộng: thì pháp luật về hộ tịch bao gồm: toàn bộ hệ thống quy phạm các vấn đề hộ tịch, theo đó nguồn chủ đạo của pháp luật về hộ tịch bao gồm Bộ luật dân sự năm 2005, Luật Hôn nhân và gia đình năm

2000, sửa đổi, bổ sung năm 2010, Luật nuôi con nuôi năm 2010 và các văn bản về đăng ký và quản lý hộ tịch (Nghị định 158/2005/NĐ-CP, Nghị định 68/2002/NĐ-CP...) Cũng trong cách hiểu này các quan hệ pháp luật hộ tịch được phân thành hai nhóm cơ bản, đó là nhóm quan hệ mang tính chất dân sự và nhóm quan hệ về quản lý. Hai nhóm quy phạm này có mối quan hệ hết sức mật thiết, trong đó nhóm quy phạm về hộ tịch do Luật Dân sự điều chỉnh luôn đóng vai trò là tiền đề để xây dựng các quy phạm hành chính về hộ tịch.

Hiểu theo nghĩa hẹp: thì pháp luật về hộ tịch chỉ bao gồm các quy phạm hành chính về quản lý hộ tịch. Điều đó cũng có nghĩa là đối tượng điều chỉnh của pháp luật về hộ tịch chỉ bao gồm các quan hệ mang tính chất chấp hành-điều hành phát sinh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hộ tịch.

Mặc dù hai quan niệm trên có sự khác nhau cơ bản nhưng cần thấy rằng chúng không mâu thuẫn và loại trừ nhau.

1.4.1. Quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch

Quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch được hiểu là những quy tắc xử chung do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch. Đây là một dạng cụ thể của quy phạm hành chính, các quy phạm về quản lý hộ tịch có thể phân thành hai nhóm sau:

- Nhóm quy phạm về địa vị pháp lý (quyền và nghĩa vụ) của các chủ thể trong quan hệ hộ tịch và quan hệ giữa các chủ thể với nhau trong quản lý hộ tịch;
- Nhóm quy phạm về thủ tục hành chính (thủ tục đăng ký hoặc giải quyết khiếu nại, tố cáo)

Thực tế hiện nay cho thấy, số lượng các quy phạm pháp luật về hộ tịch khá lớn, điều chỉnh khá toàn diện, đầy đủ các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực này. Tuy nhiên các quy phạm về quản lý hộ tịch nằm rải rác trong nhiều văn bản khác nhau. Ngoài nghị định số 158/205/NĐ-CP được coi là nguồn chủ

đạo của pháp luật về quản lý hộ tịch, các quy phạm về quản lý hộ tịch còn được tìm thấy trong nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân- Gia đình đối với các dân tộc thiểu số và Nghị định 24/2013/NĐ-CP ngày 28/3/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình về quan hệ Hôn nhân và Gia đình có yếu tố nước ngoài, Nghị định 88/2008/NĐ-CP ngày 05/8/2008 về xác định lại giới tính....

Sự tản mạn của các quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch như trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của việc áp dụng pháp luật về hộ tịch.

Xét về khía cạnh giá trị pháp lý có thể thấy, hiện nay các quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch có thứ bậc không cao trong thang giá trị quy phạm. Các quy phạm có giá trị cao nhất mới dừng lại ở mức độ quy phạm trong Nghị định của Chính phủ; một bộ phận không nhỏ quy phạm do Bộ Tư pháp ban hành trong các thông tư mang tính chất hướng dẫn nghiệp vụ (Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02/6/2008 hướng dẫn thi hành Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 về đăng ký và quản lý hộ tịch; Thông tư liên tịch số 11/2008/BTP-BNG hướng dẫn thi hành điều 80 Nghị định 158/2005/NĐ-CP; Thông tư 16/2010/TT-BTP ngày 08/10/2010 về việc ghi sổ hộ tịch việc ly hôn được tiến hành ở nước ngoài...

Bởi vậy tính ổn định của pháp luật về quản lý hộ tịch chưa cao, có thể bị sửa đổi, bổ sung trong một thời gian ngắn. Thực tiễn này được lý giải bởi hai lý do của hoạt động xây dựng pháp luật về hộ tịch: Thứ nhất là trong suốt thời gian hơn 30 năm (từ khi ban hành Điều lệ đăng ký hộ tịch năm 1961 đến trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 184/CP ngày 30/11/1994) hoạt động xây dựng pháp luật về hộ tịch gần như trong tình trạng đóng băng, không có sự vận động nào đáng kể, chỉ từ khi bị tác động trực tiếp bởi sự ra đời của Luật Hôn nhân- Gia đình năm 2000 và Bộ luật Dân sự năm 2005 thì

hoạt động xây dựng pháp luật về hộ tịch mới được vận động tích cực để phù hợp, thích ứng với những yêu cầu mới mà hai văn bản luật quan trọng nói trên đặt ra. Thứ hai là về mặt chủ quan do tính chất tác động xã hội của các quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch rất rộng lớn và liên quan đến các phạm trù nhạy cảm như quyền con người, quyền công dân nên hoạt động điều chỉnh lĩnh vực này được tiến hành rất cẩn trọng, dè dặt. Chỉ có thể xây dựng các quy phạm pháp luật về quản lý hộ tịch có giá trị cao khi điều kiện cần và đủ cho nó là nền tảng pháp luật dân sự, pháp luật hôn nhân và gia đình đã được thiết lập và vận hành một cách ổn định.

1.4.2. Quan hệ pháp luật về quản lý hộ tịch

Quan hệ pháp luật về quản lý hộ tịch là những quan hệ phát sinh trong hoạt động chấp hành- điều hành được điều chỉnh bởi các quy phạm pháp luật về hộ tịch.

Chủ thể quan hệ pháp luật hộ tịch gồm hai nhóm:

- Các cá nhân và cơ quan nhà nước có chức năng quản lý về hộ tịch
- Các cá nhân có quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.

Các quan hệ pháp luật hình thành trong lĩnh vực quản lý hộ tịch rất đa dạng, diễn ra theo nhiều chiều giữa các chủ thể khác nhau như: quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền quản lý chung với cơ quan quản lý chuyên ngành, giữa cơ quan cùng cấp, quan hệ giữa cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch với công dân... Trong đó nhóm quan hệ phát sinh trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch là nhóm quan hệ phổ biến và thể hiện nhiều yếu tố đặc thù.

Các quan hệ pháp luật về đăng ký hộ tịch là các quan hệ thủ tục phát sinh giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký hộ tịch với các cá nhân công dân, người nước ngoài hoặc người không quốc tịch có quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch. Các quan hệ này được thiết lập trên cơ sở sáng kiến và đề nghị chủ động của cá nhân và nó thường gắn liền với việc thực hiện một quyền dân

sự hoặc xác lập một quan hệ hôn nhân và gia đình. Ngoài ra quan hệ đăng ký hộ tịch diễn ra giữa cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch với một cá nhân mà có thể diễn ra giữa cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ tịch với cùng lúc nhiều cá nhân có chung mục đích xác lập quan hệ hành chính đó [22].

1.5.Kinh nghiệm quản lý hộ tịch ở một số địa phương và bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho Hải Phòng

1.5.1. Công tác lưu trữ sổ hộ tịch và tra cứu dữ liệu hộ tịch ở thành phố Hà Nội

Thủ đô Hà Nội là trung tâm chính trị, văn hóa- giáo dục của cả nước, Hà Nội là thành phố có mật độ dân cư cao, di biến động dân cư phức tạp với tổng số hơn 7 triệu người.

Với vị trí, vai trò trung tâm của Thủ đô và trách nhiệm của chính quyền trong công tác quản lý dân cư nói chung, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch nói riêng. Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền thành phố Hà Nội luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện để công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố, từng bước đáp ứng yêu cầu thực tiễn đời sống xã hội và hiệu quả chuyển biến tích cực theo từng năm. Đặc biệt, từ sau khi có Nghị định số 158/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch đã tạo được bước chuyển biến tích cực, hiệu quả, có tính đột phá trong công tác cải cách thủ tục hành chính, Hà Nội đã triệt để loại bỏ các loại “đơn”; rút ngắn nhiều quy trình, thời gian giải quyết các sự kiện hộ tịch; thực hiện nhiều nội dung mang tính cởi mở và thực hiện có hiệu quả việc phân cấp mạnh cho Ủy ban nhân dân cấp cơ sở để kịp thời phục vụ nhân dân được tốt hơn. Nhờ đó, những năm qua, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch của thành phố đã đáp ứng tốt nhu cầu đăng ký các sự kiện hộ tịch của cá nhân. Trung bình hàng năm, toàn thành phố khai sinh cho hơn 150 ngàn trẻ em; đăng ký kết hôn cho hơn 59 ngàn đôi nam-nữ; đăng ký khai tử gần 35 ngàn trường hợp

(chưa tính các trường hợp đăng ký lại). Ngoài ra, việc thực hiện đăng ký nuôi con nuôi; giám hộ; nhận, cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch, cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch... được thực hiện có nề nếp, nhanh chóng và hiệu quả.

Để có được kết quả đó, công tác lưu trữ sổ hộ tịch và tra cứu dữ liệu hộ tịch tại thành phố Hà Nội đã và đang góp phần đáng kể và kịp thời vào yêu cầu cải cách hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch.

Do ý thức được giá trị quan trọng của sổ hộ tịch và các dữ liệu hộ tịch đã đăng ký trước đây, nên ngay sau khi tiếp nhận nhiệm vụ từ cơ quan công an chuyển sang, thành phố đã chỉ đạo tập hợp, thống kê, sắp xếp lại toàn bộ các sổ đăng ký hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn., đầu tư kinh phí và trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy tại kho lưu trữ, có quận còn đầu tư kinh phí đóng bìa cứng toàn bộ các sổ hộ tịch đăng ký hộ tịch từ trước năm 1956 đến nay để đưa vào lưu trữ và khai thác phục vụ yêu cầu của tổ chức, công dân.

Hệ thống lưu trữ dữ liệu của cá nhân về hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội chủ yếu được lưu trữ trong các sổ hộ tịch bằng giấy theo quy định của pháp luật hiện hành, do cơ quan có thẩm quyền quản lý sự kiện hộ tịch lưu trữ và khai thác. Việc xây dựng phần mềm quản lý các dữ liệu hộ tịch bước đầu thực hiện tại các quận nội thành và một số huyện ngoại thành. Qua rà soát sổ hộ tịch, nhất là sổ hộ tịch từ năm 1881 đến năm 1956 không chỉ có thông tin thông thường về sinh; kết hôn, tử, nuôi con nuôi, giám hộ; nhận cha, mẹ, con... mà còn lưu trữ được các thông tin quan trọng khác của gia đình thông qua sự kiện hộ tịch của cá nhân, qua đó đáp ứng tốt nhu cầu cung cấp, khai thác thông tin, cấp các giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch gốc phục vụ giao dịch của công dân, đồng thời làm cơ sở để giải quyết việc thay đổi, cải chính, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch... và cung cấp thông tin về tính xác thực

của giấy tờ hộ tịch phục vụ nhu cầu khai thác của cá nhân và các cơ quan cần chia sẻ dữ liệu hộ tịch [35, tr.7,8].

1.5.2. Áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch ở thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị lớn của cả nước, với dân số đông, thành phần dân cư phức tạp, nên để đảm bảo hiệu quả công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, đòi hỏi các ngành, các cấp phải có sự quan tâm, đầu tư toàn diện trên nhiều lĩnh vực như việc tuyên truyền; nâng cao nhận thức của người dân về đăng ký hộ tịch; đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ hộ tịch, đặc biệt là vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, quản lý hộ tịch...

Thực hiện Chương trình Tổng thể cải cách thủ tục hành chính về đăng ký và quản lý hộ tịch, Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện ứng dụng các phần mềm tin học vào công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

Từ năm 1998, khi bắt đầu áp dụng Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 của Chính Phủ về đăng ký hộ tịch, Sở Tư pháp đã bắt đầu quá trình tin học hóa công tác hộ tịch. Sở Tư pháp tiến hành xây dựng phần mềm lưu trữ, trích xuất thông tin khai sinh và tiến hành cập nhật, số hóa hơn một triệu bản khai sinh của Tòa Sơ thẩm Sài Gòn, Tòa Hòa giải Sài Gòn, bao gồm các án thể vì khai sinh có năm sinh từ 1800- 1975 và Bộ sinh Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn từ năm 1945-1953 vào chương trình lưu trữ. Mục đích ban đầu của việc số hóa là nhằm lưu trữ thông tin khai sinh lâu dài, tránh tình trạng bị mất thông tin khai sinh của người dân do sổ hộ tịch lưu trữ lâu ngày bị mục, rách nát.

Cũng trong thời gian này, Sở Tư pháp nhận thấy số lượng hồ sơ hộ tịch có yếu tố nước ngoài phát sinh rất lớn, trong khi chưa có quy trình khép kín giải quyết những hồ sơ phát sinh hàng ngày, chưa theo dõi được từng công đoạn của việc luân chuyển xử lý, xác định giai đoạn giải quyết hồ sơ; việc tiếp nhận, xử lý, in ấn các loại giấy tờ trong hồ sơ mang tính thủ công, mất nhiều thời gian..., nên bên cạnh việc số hóa thông tin khai sinh, Sở Tư pháp đã tự xây dựng và vận hành Chương trình quản lý hộ tịch phục vụ cho công tác đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài tại cơ quan của Sở Tư pháp. Với chương trình quản lý hộ tịch này, thông tin của từng hồ sơ hộ tịch được cán bộ tiếp nhận nhập dữ liệu ngay từ lúc nhận hồ sơ. Khi xử lý hồ sơ, cán bộ xử lý đã có thông tin điện tử trên máy tính, nên có thể xử lý tiếp mà không cần đánh máy lại thông tin. Các biểu mẫu tờ trình hồ sơ, thông báo niêm yết hồ sơ, các biểu mẫu hộ tịch (giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy chứng nhận kết hôn...) được thiết kế, tích hợp sẵn trong phần mềm, nên việc in ấn được thực hiện nhanh chóng. Việc thu lệ phí cũng được in ấn tự động bằng chương trình trên hóa đơn chuyên biệt. Ngoài ra việc theo dõi tình trạng hồ sơ, quá trình xử lý hồ sơ, thống kê số liệu hộ tịch... thực hiện dễ dàng, do đã được lập trình sẵn trong chương trình...

Với việc xây dựng chương trình quản lý hộ tịch và kết nối với cơ sở dữ liệu khai sinh đã được nhập dữ liệu, Sở Tư pháp hoàn chỉnh bước đầu việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch tại Sở Tư pháp. Đến nay đã mã hóa được gần 3 triệu hồ sơ các loại (khai sinh, khai tử, kết hôn, nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi...) và đã được lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu. Chương trình đăng ký và quản lý hộ tịch tại Sở thường xuyên được nâng cấp, xây dựng các phần mềm quản lý phục vụ cho việc tra cứu, cấp bản sao cho người dân cũng như tác nghiệp trực tiếp trên cơ sở dữ liệu để giải quyết những hồ sơ mới hàng ngày.

Ngoài ra, được sự quan tâm của ban điều hành Trang thông tin điện tử thành phố, Sở Tư pháp đã đưa vào vận hành Trang thông tin điện tử của Sở, nhằm đưa các thông tin về đăng ký, quản lý hộ tịch tới mọi tổ chức và người dân một cách nhanh chóng và chính xác.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đăng ký hộ tịch tại quận, huyện, phường, xã, thị trấn

Đến hết năm 2005, qua 4 giai đoạn, Sở Tư pháp đã triển khai cài đặt phần mềm, đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung cho Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện cùng 322 phường, xã, thị trấn trên địa bàn.

Với việc triển khai trên, thì công tác hộ tịch đã được tin học hóa, tất cả các dữ liệu về công tác hộ tịch được quản lý bằng hệ quản lý SQL Server. Do đó, toàn bộ hệ thống có tính thống nhất và tương thích cao. Việc truyền dữ liệu từ các nguồn phát sinh dữ liệu (phường, xã, thị trấn) về trung tâm tích hợp dữ liệu (Sở Tư pháp) được thực hiện thông qua bước trung gian với cách thức:

- Phường, xã, thị trấn truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân quận, huyện (bằng các đường truyền hiện có như: Dial-up, ADSL, mạng trực riêng). Tần suất mỗi ngày 1 lần vào cuối giờ, mỗi phường, xã, thị trấn được phân một giờ cố định, nhằm tránh việc tắc nghẽn trong quá trình đồng bộ dữ liệu.

- Server (máy chủ) tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, sau khi tổng hợp dữ liệu của tất cả các phường, xã, thị trấn, sẽ truyền dữ liệu về Sở Tư pháp (qua mạng trực GSHDSL). Tần suất mỗi ngày 1 lần vào cuối giờ và mỗi quận, huyện cũng sẽ được phân một giờ cố định, nhưng sau 1 ngày so với khi các phường, xã, thị trấn chuyển về quận, huyện.

- Sở Tư pháp tổng hợp và nhận toàn bộ dữ liệu sau đó 1 ngày.

Như vậy, hệ thống dữ liệu hộ tịch tại thành phố được hình thành từ thông tin hộ tịch đang lưu trữ tại Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn [32].

1.5.3. *Bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho quản lý hộ tịch ở Hải Phòng*

Phòng Cũng giống như Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng cũng là một trong những đô thị lớn, dân số đông, thành phần dân cư phức tạp. Theo chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật nhà nước cũng như xu hướng phát triển của đất nước, công tác cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về mọi mặt và tăng chất lượng phục vụ nhân dân ngày càng được thành phố Hải Phòng quan tâm.

Những năm gần đây, công tác lưu trữ sổ và hồ sơ hộ tịch đã được địa phương quan tâm. Các loại sổ hộ tịch được ghi chép rõ ràng, lưu trữ khoa học; hồ sơ hộ tịch được đóng thành từng loại, sắp xếp theo từng quý, thuận tiện cho việc tra cứu. Từ năm 1989 đến nay, đã đảm bảo thực hiện đúng quy định về việc lưu trữ Sổ đăng ký hộ tịch kép ở 02 cấp huyện và xã.

Bên cạnh đó, ở một số địa phương, do điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn nên vẫn chưa có kho đựng tài liệu, sổ sách. Ở nhiều huyện, xã, sổ hộ tịch từ những năm 1989 trở về trước hầu hết đã cũ, rách nát, có phần bị mất gây khó khăn cho việc tra cứu khi có yêu cầu của công dân xin cấp bản sao hoặc cấp lại bản chính giấy tờ hộ tịch.

Theo thống kê, rà soát về Sổ đăng ký hộ tịch thì hiện nay toàn thành phố đang lưu trữ 22877 quyển Sổ đăng ký hộ tịch từ năm 1922 đến năm 2011.

- Ủy ban nhân dân cấp xã đang lưu trữ 13017 quyển Sổ đăng ký hộ tịch, trong đó: Sổ đăng ký khai sinh 4278, Sổ đăng ký kết hôn 4414, Sổ đăng ký khai tử 4325;

- Ủy ban nhân dân quận, huyện đang lưu trữ 9139 quyển Sổ đăng ký hộ tịch, trong đó: Sổ đăng ký khai sinh 3197, Sổ đăng ký kết hôn 3062, Sổ đăng ký khai tử 2880;

- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng đang lưu trữ 721 quyển Sổ đăng ký hộ tịch, trong đó: Sổ đăng ký khai sinh 451, Sổ đăng ký kết hôn 95, Sổ đăng ký khai tử 175 [30].

Vì vậy việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch là công việc cấp bách và vô cùng quan trọng đối với thành phố Hải Phòng hiện nay. Với những ưu điểm như khoa học trong quản lý, nhanh chóng, chính xác trong xử lý, tra xuất, phân tích, tổng hợp thông tin, số liệu, khả năng đồng bộ, sử dụng dữ liệu cho nhiều ngành, cơ quan quản lý khác nhau, duy trì sự bền vững của cơ sở dữ liệu, khắc phục nhược điểm của lưu trữ thủ công... thì việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác hộ tịch vừa giúp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước về hộ tịch, vừa giúp nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Đây chính là bài học kinh nghiệm mà Hải Phòng cần học hỏi từ thực tiễn quản lý hộ tịch ở thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HỘ TỊCH Ở HẢI PHÒNG HIỆN NAY

2.1. Khái quát chung về Hải Phòng

2.1.1. Vị trí địa lý

Hải Phòng là thành phố duyên hải nằm ở hạ lưu của hệ thống sông Thái Bình thuộc đồng bằng sông Hồng có vị trí khoảng từ 20035" đến 21001" vĩ độ Bắc và từ 106029" đến 107005" kinh độ Đông; phía Bắc và Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Ninh, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hải Dương, phía Tây Nam giáp tỉnh Thái Bình và phía Đông là biển Đông với đường bờ biển dài 125km, nơi có 5 cửa sông lớn là Bạch Đằng, Cửa Cấm, Lạch Tray, Văn Úc và sông Thái Bình. Diện tích tự nhiên là 1.507,57km² chiếm khoảng 0,45% diện tích tự nhiên của cả nước. Thành phố Hải Phòng cách thủ đô Hà Nội 102 km về phía Đông Đông Bắc.

Hải Phòng ngày nay là thành phố trực thuộc Trung ương- là đô thị loại 1 cấp quốc gia; gồm 7 quận (Ngô Quyền, Hồng Bàng, Lê Chân, Dương Kinh, Đồ Sơn, Kiến An và Hải An), 6 huyện ngoại thành (Thủy Nguyên, An Dương, An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo) và 2 huyện đảo (Cát Bà, Bạch Long Vĩ) với 223 xã, phường và thị trấn (trong đó có 70 phường, 143 xã, 10 thị trấn).

Hải Phòng từ lâu nổi tiếng là cảng lớn nhất ở miền Bắc, một đầu mối giao thông quan trọng với hệ thống giao thông đường thủy, bộ, đường sắt, hàng không trong nước và quốc tế, là cửa chính ra biển của thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; là đầu mối giao thông quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trên hai hành lang-một vành đai hợp tác kinh tế Việt Nam-Trung Quốc. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội vùng

châu thổ sông Hồng, Hải Phòng được xác định là một cực tăng trưởng phát triển kinh tế- xã hội vùng kinh tế động lực phía Bắc (Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh); là trung tâm kinh tế- khoa học- kĩ thuật tổng hợp của Vùng duyên hải Bắc Bộ và là một trong những trung tâm phát triển của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước (Quyết định 1448/QĐ-TTg ngày 16/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

2.1.2. Dân cư

Tính đến tháng 12/2001 dân số Hải Phòng là 1.907.705 người, trong đó dân cư thành thị chiếm khoảng 46,1% và dân cư nông thôn chiếm khoảng 53,9%. Mật độ dân số khoảng 1.207 người/km². Là thành phố đông dân thứ 3 ở Việt Nam, sau Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Thành phần dân cư Hải Phòng khá đa dạng và phức tạp, có những nét đặc trưng và khác biệt so với các tỉnh, thành khác: chủ yếu là người Kinh (ngoài dân bản địa, Hải Phòng còn đón nhận nhiều dân di cư ở các địa phương trong cả nước đến làm ăn, sinh sống...). ngoài ra còn có một số người Pháp và người Hoa, trải qua nhiều biến cố lịch sử ngày nay họ vẫn đóng vai trò là một bộ phận cư dân của thành phố.

2.1.3. Tình hình kinh tế- xã hội

Tính đến hết năm 2013 kinh tế thành phố tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 7,51%, trong đó: nhóm nông, lâm thủy sản ước tăng 4,32%; nhóm công nghiệp-xây dựng ước tăng 5,95%; nhóm dịch vụ ước tăng 9,11% so với cùng kỳ. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP thấp hơn so với nhiều năm trước đây và thấp hơn so với kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn cao gấp 1,4 lần bình quân chung của cả nước (GDP cả nước năm 2013 ước tăng 5,4 lần), đây là mức tăng trưởng hợp lý và đáng ghi nhận của thành phố trong bối cảnh kinh tế thế giới, cả nước và thành phố gặp rất nhiều khó khăn. Cơ cấu các ngành dịch vụ-công nghiệp, xây dựng-nông, lâm, thủy sản tương ứng 53,63%-36,03%-10,34%.

Lĩnh vực xã hội được quan tâm tập trung chỉ đạo và tiếp tục có những chuyển biến tích cực:

- Công tác Giáo dục và Đào tạo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2012-2013. Kết quả thi tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 97,54% đứng tốp đầu cả nước. Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, Hải Phòng đứng thứ 2 cả nước với 80 học sinh đạt giải.

- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế, kiểm tra hành nghề y- dược ngoài công lập. Công tác y tế dự phòng và vệ sinh thực phẩm được đẩy mạnh. 100% người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi được hưởng chính sách khám, chữa bệnh theo đúng quy định. Tổ chức triển khai có hiệu quả đề án và mô hình về dân số-kế hoạch hoá gia đình; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên là 0,98% đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác lao động, việc làm: Giải quyết việc làm cho 51.061 lao động, bằng 100,12% kế hoạch năm và tăng 2,22% so với cùng kỳ; hoàn thành kế hoạch dạy nghề cho lao động nông thôn năm 2013. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được thực hiện tốt.

- Bảo đảm an sinh xã hội: Thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo còn 3,29% (giảm 0,92%). Công tác chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ và giáo dục trẻ em; công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm, có nhiều chuyển biến tiến bộ. Công tác phòng chống tệ nạn được tăng cường và đảm bảo.

- Khoa học và công nghệ: Ban hành chiến lược phát triển khoa học và công nghệ thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Triển khai đồng loạt việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học tư duy hệ thống trong quản lý,

phát triển bền vững tại tất cả các sở, ban, ngành, quận, huyện trên địa bàn góp phần đổi mới tư duy và phương pháp làm việc khoa học hơn.

- Nâng cao hiệu quả cải cách hành chính và cải cách tư pháp: Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước thành phố năm 2013. Hoàn thành việc chuyển giao công tác kiểm soát thủ tục hành chính từ Văn phòng ủy ban nhân dân thành phố sang Sở Tư pháp. Công tác hành chính tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực [39].

2.2. Kết quả quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

2.2.1. Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác hộ tịch

Trong những năm qua, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương từ thành phố đến quận, huyện, xã, phường, thị trấn, thể hiện như sau:

- Khi có các văn bản pháp luật về hộ tịch mới được ban hành, với sự tham mưu của Sở Tư pháp thì Ủy ban nhân dân thành phố đều đã ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện. Đồng thời tạo điều kiện cho cơ quan Tư pháp tổ chức tập huấn và tuyên truyền rộng rãi các văn bản pháp luật về hộ tịch. Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp quận, huyện đã thường xuyên thực hiện việc hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức giao ban nghiệp vụ, thực hiện định kỳ công tác kiểm tra, thanh tra. Thành phố và các quận, huyện đã tổ chức thành công cuộc thi “Hộ tịch viên giỏi”.

- Ủy ban nhân dân các cấp từ thành phố đến cơ sở đã đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, bố trí đủ phòng làm việc và các trang thiết bị làm việc cần thiết cho cán bộ, công chức làm công tác tư pháp.

- Bố trí đủ biên chế cán bộ, công chức làm công tác Tư pháp-Hộ tịch. Đến nay đã có hơn 60% phường, xã, thị trấn đã được bố trí đủ 02 cán bộ tư pháp.

- Ở một số địa phương đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 và thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Thường xuyên đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác Tư pháp-Hộ tịch.

2.2.2. Thực trạng bộ máy quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

Quản lý hộ tịch là một nội dung quản lý nhà nước quan trọng trong lĩnh vực Hành chính-Tư pháp. Do vậy bộ máy quản lý hộ tịch luôn được Đảng ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quan tâm đặc biệt để đảm bảo được hiệu quả, hiệu lực trong quản lý và đăng ký hộ tịch, vì vậy bộ máy quản lý hộ tịch được bố trí ở cả 3 cấp: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã (chỉ riêng Huyện đảo Bạch Long Vĩ do điều kiện đặc thù nên không có cấp xã). Giúp Ủy ban nhân dân các cấp trong lĩnh vực quản lý và đăng ký hộ tịch (theo ngành dọc) bao gồm: Sở Tư pháp Hải Phòng; 13 phòng Tư pháp ở các quận, huyện và 366 công chức Tư pháp-Hộ tịch ở cấp xã.

Từ khi có Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005, Hải Phòng đã phân cấp mạnh mẽ theo hướng chuyển giao một số loại việc trước đây thuộc thẩm quyền đăng ký của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Đây được coi là mốc đánh dấu sự vận dụng một tư duy mới về sự phân cấp quản lý nhà nước về hộ tịch và cũng thể hiện sự đánh giá cao về sự đảm nhận những nhiệm vụ ngày càng phức tạp hơn của hệ thống Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã. Việc giao đồng thời cho 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) trực tiếp đăng ký hộ tịch thì các cấp có thể giám sát hoạt động của nhau thông qua quá trình giải quyết công việc. Mặt khác, công việc sẽ không tập trung vào một hoặc hai cấp gây nên khối lượng công việc lớn, quá tải dễ dẫn đến việc giải quyết công

việc chậm, mắc nhiều sai sót. Bên cạnh đó, năng lực thực sự của cán bộ cấp cơ sở hiện nay còn nhiều hạn chế, nếu tiếp tục giao những vụ việc phức tạp, hoặc việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài thì chưa thể đáp ứng được yêu cầu công việc

Với sự phân cấp này, thẩm quyền quản lý hộ tịch của các cơ quan trong bộ máy quản lý hộ tịch ở Hải Phòng hiện nay được bố trí như sau:

2.2.2.1. Ở cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện quản lý về hộ tịch trong địa bàn thành phố. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân thành phố các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch và thực hiện các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc đăng ký kết hôn; nhận cha, mẹ, con; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký việc khai sinh; khai tử; giám hộ có yếu tố nước ngoài; đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch; bổ sung, điều chỉnh hộ tịch; cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch; cấp bản chính giấy khai sinh cho người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong trường hợp trước đây họ đã đăng ký hộ tịch tại Việt Nam.

Phòng Tư pháp thuộc Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng, được thành lập năm 1982 (Theo Quyết định số 141/QĐ-TCCQ thành lập Sở Tư pháp của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng). Đến ngày 23/9/2009, Sở Tư pháp đã có quyết định đổi tên thành Phòng Hành chính-Tư pháp. Phòng Hành chính-Tư pháp có chức năng giúp Giám đốc Sở Tư pháp thực hiện công việc đăng ký, quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về công tác hộ tịch trên toàn địa bàn thành phố Hải Phòng..

2.2.2.2. Ở cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý hộ tịch trong địa phương

mình và thực hiện đăng ký khai sinh việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính và bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi; cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc.

Phòng Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý nhà nước về hộ tịch trong phạm vi địa phương.

2.2.2.3. Ở cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch trong địa phương mình. Công chức Tư pháp-Hộ tịch có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hộ tịch.

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký việc: khai sinh; kết hôn; khai tử; nhận nuôi con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi và bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước (bao gồm cả trường hợp đăng ký khai sinh cho con của người nước ngoài cư trú ổn định, lâu dài tại Việt Nam và con của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài)...

2.2.3. Thực trạng đội ngũ công chức làm công tác quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

Một trong những nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đó là nhân tố con người. Chính vì vậy đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch luôn được thành phố quan tâm, bồi dưỡng và không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

2.2.3.1. Sở Tư pháp Hải Phòng:

Phòng Hành chính-Tư pháp có chức năng giúp Sở Tư pháp trong việc quản lý hộ tịch. Hiện nay phòng có 5 cán bộ, công chức; bao gồm: 1 trưởng phòng, 1 phó phòng, 2 chuyên viên và 1 cán bộ hợp đồng. Trong đó có 1 người trình độ Thạc sĩ, 3 người có trình độ cử nhân Luật và 1 người tốt nghiệp đại học khác [29].

2.2.3.2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Tại Ủy ban nhân dân các quận, huyện hiện nay không có cán bộ chuyên trách về hộ tịch. Công tác hộ tịch do công chức của phòng Tư pháp các quận, huyện kiêm nhiệm. Hiện nay Hải Phòng có 13 phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện với tổng số công chức là 77 người, trong đó có 2 cán bộ hợp đồng. Trình độ của công chức làm công tác hộ tịch: có 70 công chức có trình độ cử nhân luật, 6 công chức có trình độ đại học khác và 1 công chức có trình độ trung cấp luật [29].

2.2.3.3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

Theo số liệu tổng rà soát đội ngũ công chức Tư pháp- Hộ tịch xã, phường, thị trấn của Sở Tư Pháp Hải Phòng tính đến 09/2013 cho thấy:

Bảng 2.1: Số liệu tổng rà soát đội ngũ công chức Tọa pháp - Hộ tịch xã, phường, thị trấn tính đến 09/2013

TT	Tên Huyện/Quận/TX/ TP. Thuộc tỉnh				Giới tính		Dân tộc		Độ tuổi				Trình độ																	S	Số		Thời gian làm công tác TP			Đánh giá công chức																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
													Văn hoá			Chuyên môn							Chính trị			Ngoại ngữ		Tin học																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
					Luật				Khác																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
					TH PT	TH CS	Tiê u học	Tiế n sĩ	Th S	ĐH , CĐ	TC L	Th S trở lên	ĐH , CĐ	TC K																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

3	Q. Hải An	08	15	06	08	07	15	0	05	07	01	02	15	0	0	0	0	07	02	0	02	04	0	0	05	00	0	12	0	12	00	15	05	02	06	07	15	0	0	0
4	Q. Lê Chân	15	33	15	07	26	33	0	00	23	04	06	33	0	0	0	0	30	03	0	00	00	0	0	09	00	0	33	0	33	13	33	00	05	17	11	33	0	0	0
5	Q. Kiến An	10	24	10	08	16	24	0	05	10	03	06	23	1	0	0	0	17	07	0	00	00	0	0	05	05	0	24	0	24	05	24	00	10	05	09	24	0	0	0
6	Q. Đồ Sơn	07	14	07	05	09	14	0	03	11	00	00	14	0	0	0	0	09	05	0	00	00	0	0	11	00	0	14	0	14	12	14	06	06	06	02	14	0	0	0
7	Q. Dương Kinh	06	11	05	10	01	11	0	02	05	02	02	11	0	0	0	0	06	04	0	00	01	0	0	06	05	0	11	0	11	00	11	00	04	04	03	11	0	0	0
8	H. An Dương	16	21	05	14	07	21	0	02	04	09	06	21	0	0	0	0	14	04	0	03	00	0	0	09	12	0	00	0	00	00	21	10	01	09	11	11	0	0	0
9	H. Thủy Nguyên	37	47	10	31	16	46	1	14	08	15	10	47	0	0	0	0	05	34	0	06	02	0	0	18	10	0	16	0	19	20	47	10	19	10	18	47	0	0	0
10	H. Cát Hải	12	18	06	13	05	18	0	00	10	05	03	18	0	0	0	0	02	14	0	02	00	0	0	07	09	0	12	0	14	10	18	03	05	08	05	02	0	0	0
11	H. Vĩnh Bảo	30	42	12	37	05	42	0	01	11	16	14	41	1	0	0	0	0	20	0	05	17	0	0	20	21	0	17	0	17	49	42	07	20	08	14	24	0	0	0
12	H. Kiến Thụy	18	31	13	25	06	31	0	08	04	13	06	31	0	0	0	0	06	08	0	03	14	0	00	05	00	0	15	0	15	31	31	10	09	14	08	31	0	0	0
13	H. An Lão	17	30	13	20	10	30	0	07	10	07	06	30	0	0	0	0	05	17	0	01	07	0	17	00	00	0	30	0	30	17	30	00	15	15	00	17	0	0	0
14	H. Tiên Lãng	23	30	08	26	04	30	0	02	15	09	04	30	0	0	0	0	06	19	0	00	03	02	00	08	22	0	25	0	25	24	30	02	11	09	10	19	0	0	0
Tổng cộng		223	366	134	211	155	365	01	60	153	88	65	364	02	00	00	00	151	143	00	22	48	02	17	118	103	00	259	00	264	200	366	53	130	128	108	298	00	00	00

Nguồn: Ủy ban nhân Dân Thành phố Hải Phòng năm 2013

- Về số lượng:

Hiện nay cả thành phố Hải Phòng có 366 cán bộ Tư pháp- Hộ tịch trên tổng số 233 xã, phường, thị trấn. Ngày nay do xu hướng tăng thẩm quyền cho cấp xã (như Nghị định 79/2007/NĐ-CP được ban hành đã giao công tác chứng thực bản sao cho cấp xã..). Dẫn đến việc quá tải về công tác Tư pháp và công tác Hộ tịch, để đảm bảo hiệu quả trong công tác nên nhiều địa phương đã vận dụng bố trí 2 công chức Tư pháp-Hộ tịch (đã có 134 xã có 2 công chức Tư pháp-Hộ tịch, chiếm khoảng 60%) hoặc thêm cán bộ hợp đồng (có 53 cán bộ hợp đồng).

- Về chất lượng:

Trình độ văn hoá: có 364 công chức đã tốt nghiệp trung học phổ thông (chiếm 99,5%). Có 2 công chức tốt nghiệp Trung học cơ sở (chiếm 0,5%).

Trình độ chuyên môn: có 151 công chức có trình độ Đại học Luật, chiếm 41,3% (cả nước là 27%); 143 công chức có trình độ trung cấp luật, chiếm 39,1% (cả nước là 50%); chuyên môn khác là 70 công chức, chiếm 19,1% (cả nước là 23%).

Trong năm 100% số cán bộ công chức Tư pháp-Hộ tịch đều được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ. Và theo sự đánh giá chất lượng công chức hằng năm thì 81,4% số công chức được xếp loại A; 16,1% xếp loại B; 2,5% xếp loại C và không có công chức nào xếp loại D.

- Về giới tính, độ tuổi:

Trong số 366 công chức Tư pháp-Hộ tịch có 211 nam giới (chiếm 57,7%), nữ giới là 155 người (chiếm 42,3%).

Về độ tuổi: dưới 30 tuổi có 60 công chức, chiếm 16,4%; độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi có 153 người, chiếm 41,8%; độ tuổi từ 40 tuổi trở lên có 153 người và cũng chiếm 41,8%.

- Về thời gian công tác:

Số công chức Tư pháp-Hộ tịch công tác Tư pháp-Hộ tịch từ 5 năm trở lên là 236 công chức, chiếm 64,5% (cả nước là 54%); số còn lại là 130 công chức, chiếm 35,5% đảm nhiệm công việc này dưới 5 năm (cả nước là 46%)

[6]. Qua số liệu trên cho ta thấy đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và UBND cấp xã đã được quan tâm củng cố đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng. Đội ngũ công chức làm công tác đăng ký và quản lý hộ tịch được quan tâm kiện toàn, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ và được chuẩn hóa về mọi mặt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch phần lớn có tinh thần trách nhiệm, tận tụy với công việc được giao. Độ tuổi của các cán bộ Tư pháp-Hộ tịch ngày càng được trẻ hóa. Đây là lực lượng quan trọng góp phần tăng thêm hiệu quả quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2.2.4. Công tác kiểm tra, thanh tra trong quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

Nhận thức rõ được vai trò to lớn của công tác thanh tra, kiểm tra, nên hàng năm Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp các quận, huyện đều có kế hoạch thanh tra và kiểm tra công tác đăng ký và quản lý hộ tịch của cấp dưới và cấp cơ sở. Thông qua hoạt động này nhằm phát hiện những cách làm hay, sáng tạo để nhân rộng trong toàn Ngành; phát hiện những thiếu sót; hạn chế cũng như những vướng mắc, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; xác định đúng nguyên nhân, qua đó rút kinh nghiệm và đề ra biện pháp khắc phục, tháo gỡ. Trong quá trình thanh tra, kiểm tra phải đảm bảo yêu cầu kiểm tra có trọng điểm, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra. Sau các buổi kiểm tra, Đoàn kiểm tra sẽ làm việc với Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận, huyện và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn đã kiểm tra để trao đổi về kết quả kiểm tra và có thông báo kết luận kiểm tra.

Từ đó đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác hộ tịch của toàn Ngành trên địa bàn thành phố và có biện pháp thực hiện nhiệm vụ trong những năm tiếp theo.

Cụ thể từ năm 2010- 2013:

Thanh tra Sở Tư pháp đã xử phạt 26 trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực hộ tịch. Đã tiếp nhận và giải quyết đơn tố cáo một số nội dung liên quan đến công tác quản lý, đăng ký hộ tịch tại xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, trong đó có 3 cán bộ, công chức đã bị kỷ luật.

Do làm tốt công tác hướng dẫn, giải đáp pháp luật, trực tiếp giải quyết yêu cầu của công dân nên trong các năm qua, các Phòng Tư pháp chưa tiếp nhận và giải quyết trường hợp khiếu nại, tố cáo nào về công tác hộ tịch.

Tại cấp xã qua thanh tra, kiểm tra cho thấy việc niêm yết công khai các thủ tục, trình tự, thời gian và lệ phí về hộ tịch đúng quy định pháp luật thuận lợi cho dân khi có yêu cầu. Mọi công dân khi đến đăng ký khai sinh đều được cán bộ Tư pháp-Hộ tịch hướng dẫn cụ thể, đảm bảo đầy đủ và chính xác. Việc đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn, cho nhận con nuôi; thay đổi, cải chính hộ tịch... về cơ bản đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định; hạn chế tình trạng khai sinh quá hạn....

2.2.5. Môi quan hệ phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

Thời gian qua, giữa các cơ quan quản lý và đăng ký hộ tịch ở các cấp đã có sự phối kết hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin, khai thác cơ sở dữ liệu về hộ tịch nên đã giải quyết kịp thời, thuận tiện các yêu cầu của công dân.

Còn việc phối kết hợp giữa công tác quản lý nhà nước về hộ tịch với quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực khác ở địa phương ngày càng được quan tâm và phát huy hiệu quả, cụ thể như sau:

- Hội Phụ nữ, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, Đoàn thanh niên thường xuyên

kết hợp chặt chẽ với ngành Tư pháp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cá nhân trong việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hộ tịch, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương.

- Ngành Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Y tế đã phối hợp chặt chẽ với ngành Tư pháp trong công tác quản lý hồ sơ cán bộ công chức, viên chức, giáo viên, học sinh trong địa bàn; hồ sơ của các đối tượng chính sách như bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, xác nhận con của người có công, chế độ mai táng phí...

- Sở Tư pháp phối hợp với Công an thành phố đã tiến hành xác minh, điều tra, khảo sát tình hình công dân ở Hải Phòng đăng ký kết hôn với người nước ngoài; tích cực đấu tranh phòng chống các hành vi lợi dụng kết hôn nhằm mục đích mua bán, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục đối với phụ nữ hoặc vì mục đích trục lợi khác; đấu tranh phòng chống hoạt động môi giới kết hôn trái pháp luật, hoạt động giới thiệu trẻ em làm con nuôi người nước ngoài nhằm mục đích trục lợi. Từ năm 2007 đến năm 2012, Công an thành phố Hải Phòng đã tiếp nhận yêu cầu xác minh, trả lời Sở Tư pháp thành phố trên 3000 hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài. Mặt khác, Sở Tư pháp thường xuyên gửi thông báo số liệu công dân ở Hải Phòng đăng ký kết hôn với công dân Trung Quốc, Đài Loan, khối Asean, Hàn Quốc cho Công an thành phố để theo dõi.

- Sở Tư pháp phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố, Hội phụ nữ phường, xã, thị trấn tiến hành việc tư vấn pháp luật cho chị em phụ nữ trong thành phố về hôn nhân-gia đình có yếu tố nước ngoài, phát tờ rơi tuyên truyền “Những điều cần biết khi kết hôn với người nước ngoài”.

- Đối với phụ nữ kết hôn với người nước ngoài sau đó trở về địa phương, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố đã hỗ trợ họ học nghề, khai thác các

nguồn vốn vay, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất để họ sớm ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế và tái hoà nhập cộng đồng.

- Sở Tư pháp đã ký kết hợp đồng trách nhiệm với Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội thành phố để thực hiện Đề án 3 “Tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ và trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về tái hòa nhập cộng đồng”.

- 12/2011 Sở Tư pháp tổ chức hội thảo “Rút kinh nghiệm về công tác phối hợp giữa Sở Tư Pháp với Báo Hải Phòng”...

2.2.6. Thực trạng công tác quản lý và đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng

2.2.6.1. Kết quả đăng ký hộ tịch tại ủy ban nhân dân cấp xã

Bảng 2.2: Thực trạng đăng ký hộ tịch của cấp xã từ năm 2009- 2013

Sự kiện hộ tịch Năm	Khai sinh				Khai tử				Kết hôn	Nuôi con nuôi	Nhận cha, mẹ, con	Thay đổi, cải chính... hộ tịch	Giám hộ
	Tổng	ĐK đúng hạn	ĐK quá hạn	ĐK lại	Tổng	ĐK đúng hạn	ĐK quá hạn	ĐK lại					
2009	45016	29397	2314	13305	9753	8999	685	69	17833	79	522	1208	06
2010	44641	29035	1733	13873	9653	9209	277	167	17547	87	338	814	04
2011	39228	36805	2423		9836	9342	494		17423	43			
2012	43042	40890	2152		11368	10691	677			53			
2013	40567	37719	2848		10058	9530	528		16401	78			

Nguồn: Báo cáo của Sở Tư pháp Hải Phòng

Qua bảng thống kê số liệu trên cho ta thấy: Tỉ lệ đăng ký khai sinh có xu hướng giảm nhưng không đáng kể (từ năm 2009 đến năm 2013 giảm 4449 trường hợp - 9,9%). Trong đó tỉ lệ đăng ký quá hạn vẫn chiếm tỉ lệ khá cao, năm 2013 chiếm khoảng 7%.

Tỉ lệ đăng ký khai tử tăng nhẹ (từ năm 2009 đến năm 2013 tăng 305 trường hợp -3%). Trong đó tỉ lệ đăng ký quá hạn có xu hướng giảm 157 trường hợp.

Tỉ lệ đăng ký kết hôn có xu hướng giảm (từ năm 2009 đến năm 2013 giảm 1432 trường hợp).

Tỉ lệ nuôi con nuôi trong nước có sự dao động mạnh, từ năm 2009 đến 2010 tỉ lệ đăng ký con nuôi khá cao (năm 2010 là 79 trường hợp). Đến năm 2011-2012 khi Luật nuôi con nuôi mới có hiệu lực, cơ quan chức năng và người dân chưa hiểu rõ về luật, nên tỉ lệ có giảm so với năm 2010 là 43 trường hợp. Đến năm 2012, 2013 cùng với việc ban hành kế hoạch thực hiện, công tác tập huấn, tuyên truyền nội dung Luật và các văn bản hướng dẫn cũng được song hành nên việc tiếp cận, áp dụng các quy định về nuôi con nuôi được dễ dàng, thống nhất và nhanh chóng đi vào cuộc sống, tỉ lệ đăng ký nuôi con nuôi tăng nhanh so với năm 2011 là 35 trường hợp.

2.2.6.2. Kết quả đăng ký hộ tịch tại ủy ban nhân dân cấp huyện

Bảng 2.3: Thực trạng đăng ký hộ tịch của cấp huyện từ năm 2008-2010

Năm 2008:

<i>I. Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.</i>	Tổng số	Trong đó				
		Thay đổi họ tên, chữ đệm	Cải chính ngày, tháng, năm sinh	Xác định lại dân tộc	Xác định lại giới tính	Các trường hợp khác
	1973	308	302	11	0	1352
<i>II. Cấp lại bản chính giấy</i>	Tổng số: 5470					

<i>khai sinh</i>	
-------------------------	--

Năm 2009:

<i>I. Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.</i>	Tổng số	Trong đó				
		Thay đổi họ tên, chữ đệm	Cải chính ngày, tháng, năm sinh	Xác định lại dân tộc	Xác định lại giới tính	Các trường hợp khác
	1255	498	105	01	00	651
<i>II. Cấp lại bản chính giấy khai sinh</i>	Tổng số: 8171					

Năm 2010:

<i>I. Thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính.</i>	Tổng số	Trong đó				
		Thay đổi họ tên, chữ đệm	Cải chính ngày, tháng, năm sinh	Xác định lại dân tộc	Xác định lại giới tính	Các trường hợp khác
	1023	390	198	0	0	435
<i>II. Cấp lại bản chính giấy khai sinh</i>	Tổng số: 7982					

Nguồn: Báo cáo của Sở Tư pháp Hải Phòng.

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy cấp huyện có nhu cầu khá cao về thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính và cấp bản chính giấy khai sinh. Năm 2010 cấp huyện đã tiếp nhận và giải quyết được 1023 trường hợp về thay đổi, cải chính hộ tịch, trung bình mỗi ngày giải quyết 3,8 trường hợp (có giảm 950 trường hợp so với năm 2008). Cấp bản chính năm 2010 là 7982 trường hợp (tăng 2512 trường hợp so với năm 2008), trung bình mỗi ngày cấp huyện giải quyết khoảng 30 trường hợp. Điều này cho thấy cấp huyện phải giải quyết một lượng việc về hộ tịch quá lớn nên dễ dẫn đến

việc quá tải trong công việc.

2.2.6.3. Kết quả đăng ký hộ tịch tại cấp tỉnh

**Bảng 2.4: Thực trạng đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân thành phố
Hải Phòng từ năm 2009-2013**

Sự kiện hộ tịch						Ghi chú kết hôn	Cải chính, điều chỉnh... hộ tịch
Năm	Khai sinh	Khai tử	Kết hôn	Nuôi con nuôi	Nhận cha, mẹ, con		
2009	66	12	585	03	26	1177	10
2010	90	15	533	03	46	1311	14
2011	124	15	422	01	39	630	12
2012	110	13	423	09	54	899	03
2013	102	13	514	10	43	834	16

Nguồn: Báo cáo của Sở Tư pháp Hải Phòng.

- Tỷ lệ đăng ký khai sinh có xu hướng tăng, năm 2013 tăng 66 trường hợp so với năm 2009. Tỷ lệ đăng ký khai tử tương đối ổn định.

- Tỷ lệ đăng ký kết hôn và ghi chú kết hôn có sự biến động:

Tỷ lệ đăng ký kết hôn tương đối cao năm 2013 là 514 trường hợp, trung bình mỗi ngày Sở Tư pháp giải quyết 2 trường hợp đăng ký kết hôn. Tuy nhiên tỷ lệ này có giảm so với năm 2009 là 71 trường hợp và tăng 91 trường hợp so với năm 2012.

Tỷ lệ ghi chú kết hôn năm 2009 là rất cao, 1177 trường hợp, tuy nhiên đến năm 2011 giảm mạnh còn 630 trường hợp (giảm 547 trường hợp) và năm 2013 giảm 343 trường hợp so với năm 2009.

Sở dĩ có sự biến động này là do từ năm 2010 Sở Tư pháp tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài nhằm tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg. Hải Phòng đã có nhiều giải pháp đồng bộ để chấm dứt việc môi giới hôn nhân bất hợp pháp, thực hiện hôn nhân tiến bộ, tự nguyện, đảm bảo phong tục tập quán dân tộc, biến thực trạng hôn nhân “4 không”: không biết văn hóa, ngôn ngữ, pháp luật của nước định

sang kết hôn; không hiểu biết người dự định kết hôn; không biết hoàn cảnh gia đình người dự định kết hôn; không tình yêu. Thành hôn nhân “5 biết”: biết văn hóa, ngôn ngữ, pháp luật của nước định sang kết hôn; biết các trường hợp điển hình thành công; thất bại của những người ở địa phương đã kết hôn với người nước ngoài; hiểu biết về người dự định kết hôn; biết hoàn cảnh gia đình của người dự định kết hôn; biết các quy định của pháp luật Việt Nam về kết hôn với người nước ngoài và cơ quan giúp đỡ mình khi ra nước ngoài [9].

Sở Tư pháp tiến hành xác minh, phỏng vấn các bên nam, nữ trước khi đăng ký kết hôn hoặc trước khi làm thủ tục ghi chú kết hôn và từ chối những trường hợp không đảm bảo yêu cầu của Chỉ thị 03/2005/CT-TTg về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài. Chính vì vậy mà tỉ lệ đăng ký kết hôn và ghi chú kết hôn có xu hướng giảm.

- Tỉ lệ đăng ký nuôi con nuôi cũng có xu hướng tăng kể từ khi Luật nuôi con nuôi có hiệu lực, năm 2011 chỉ có 01 trường hợp nhưng đến năm 2013 đã là 10 trường hợp, tăng 09 trường hợp.

- Nhận cha, mẹ, con năm 2009 là 26 trường hợp, đến năm 2013 là 43 trường hợp, tăng 17 trường hợp.

- Cải chính, điều chỉnh hộ tịch: năm 2009 là 10 trường hợp, đến năm 2013 là 16 trường hợp, tăng 06 trường hợp.

2.3. Những hạn chế và nguyên nhân trong quản lý hộ tịch

2.3.1. Những hạn chế

Bên cạnh những mặt đã đạt được như đã nêu ở trên, hiện tại công tác đăng ký và quản lý hộ tịch vẫn còn những hạn chế, yếu kém, nên đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý dân cư và quản lý xã hội, cụ thể như sau:

- Thứ nhất: ***Về đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch:***

Việc bố trí cán bộ ở cơ sở còn chưa hợp lý, nhiều nơi công chức Tư

pháp- Hộ tịch còn yếu và thiếu về trình độ (Kiến An và Vĩnh Bảo đều có 01 cán bộ Tư pháp-Hộ tịch có trình độ văn hoá là Trung học cơ sở, ở Tiên Lãng vẫn còn có 02 cán bộ chưa qua đào tạo chuyên môn) đã ảnh hưởng không nhỏ tới chuyên môn, trong khi khối lượng công việc việc hành chính tư pháp tại cấp cơ sở là rất lớn.

Cán bộ tư pháp-hộ tịch ở cấp xã ngoài việc đảm nhiệm công việc chuyên môn còn phải thực hiện nhiều công việc khác do lãnh đạo Ủy ban nhân dân phân công do đó thời gian dành cho việc tự học tập, nghiên cứu các văn bản pháp luật chưa được nhiều. Trong khi đó, với khối lượng công việc nhiều, phức tạp theo hướng tăng thẩm quyền như hiện nay đòi hỏi mỗi cán bộ Tư pháp- Hộ tịch phải có trình độ chuyên môn vững vàng mới có thể đáp ứng được yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, ở nhiều địa phương, đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch chưa được bố trí ổn định, lâu dài đã gây khó khăn không nhỏ đối với công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Ngoài ra, pháp luật hiện nay chưa quy định chức danh hộ tịch viên, chưa có chế độ phụ cấp chức vụ, công việc đối với công chức Tư pháp-Hộ tịch (như một số ngành nghề khác: thanh tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán) trong khi mức lương thấp, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn nên nhiều công chức chưa yên tâm, tận tụy với công việc, ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả công tác.

Thứ hai: Việc ghi chép và lưu trữ hồ sơ, sổ hộ tịch

Việc ghi chép sổ hộ tịch còn chưa đúng quy định: nhiều trường hợp ghi không đủ nội dung, dữ liệu trong mẫu giấy tờ hộ tịch có sẵn như không ghi nơi sinh trong giấy khai sinh hoặc chỉ ghi xã và còn viết tắt. Trong sổ hộ tịch thì không ghi tên, chức vụ của người ký cấp giấy tờ hộ tịch, chữ ký của cán bộ Tư pháp-Hộ tịch, không có chữ ký của người đi đăng ký khai sinh; cột ghi chú thì không ghi đăng ký quá hạn, đăng ký lại, ghi chưa chính xác về quan hệ giữa người đi khai với người được đăng ký sự kiện hộ tịch. Không ghi rõ

ngày, tháng, năm sinh của người vợ và người chồng trong giấy đăng ký kết hôn, đặc biệt là có trường hợp còn không có chữ ký của hai bên vợ và chồng trong sổ đăng ký kết hôn, dẫn đến việc không đảm bảo sự tự nguyện trong đăng ký kết hôn.

Vẫn còn tình trạng sử dụng nhiều màu mực cho một sự kiện hộ tịch, khi tẩy xoá, sửa chữa không thực hiện việc ghi chú và đóng dấu theo đúng nguyên tắc quy định tại Điều 69, Nghị định 158/NĐ-CP. Giữa giấy tờ hộ tịch và sổ hộ tịch không trùng khớp về nội dung đăng ký hộ tịch. Nhiều xã không đồng thời ghi chép các loại sổ theo quy định ghi chép mà để cuối năm mới sao từ cuốn sổ này sang cuốn kia, không thực hiện khóa sổ và đóng dấu giáp lai giữa các trang. Sổ hộ tịch sau khi khóa hết năm vẫn còn nhiều trang nhưng không tiếp tục sử dụng mà sử dụng sổ mới...

Vẫn còn những trường hợp ban hành Quyết định cải chính không đúng về thể thức, văn phong, từ ngữ chưa chuẩn: Ví dụ Quyết định “thêm chữ đệm” của ủy ban nhân dân xã Trung Hà.

Hiện nay, ở một số huyện và xã do điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn nên vẫn chưa có kho đựng tài liệu, sổ sách. Ở nhiều huyện, xã, sổ hộ tịch từ những năm 1989 trở về trước hầu hết đã cũ, rách nát, có phần bị mất gây khó khăn cho việc tra cứu khi có yêu cầu của công dân xin cấp bản sao hoặc cấp lại bản chính giấy tờ hộ tịch.

Các sự kiện hộ tịch đã đăng ký được lưu trong sổ hộ tịch; việc lưu trữ sổ sách, hồ sơ theo phương pháp thủ công, chưa được ứng dụng công nghệ thông tin trong việc lưu trữ, quản lý nên chưa có sự liên thông giữa các ngành, các cấp và việc tra cứu dữ liệu rất khó khăn, mất nhiều thời gian và không tránh khỏi sai sót.

Theo quy định hiện hành thì mỗi sự kiện hộ tịch được đăng ký ở một loại Sổ đăng ký hộ tịch khác nhau, dẫn đến tình trạng dữ liệu hộ tịch của cá

nhân bị phân tán, thậm chí không thống nhất (có những trường hợp mỗi một loại Sổ hộ tịch lại ghi không giống nhau về thông tin của một người).

Thứ ba: Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý hộ tịch

Hiện nay việc phối kết hợp giữa các ngành trong lĩnh vực hộ tịch còn tồn tại nhiều vướng mắc. Việc phối hợp giữa cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch với một số ngành như Tòa án nhân dân, Công an trong khai thác, trao đổi thông tin hộ tịch chưa được thực hiện thường xuyên và chưa có quy chế phối hợp. Do đó, việc quản lý các sự kiện hộ tịch liên quan đến một công dân từ khi sinh ra, nhập hộ khẩu, kết hôn, ly hôn, khai tử... còn mang tính rời rạc:

Với việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu thuộc ngành Công an thì việc đăng ký khai sinh, khai tử của công dân không đồng thời với việc đăng ký nhân khẩu thường trú nên số liệu thống kê hộ tịch và số liệu quản lý nhân khẩu là không phù hợp; việc thay đổi, cải chính hộ tịch của công dân cũng không đồng thời với việc đính chính, thay đổi trong sổ hộ khẩu dẫn đến tình trạng các giấy tờ của cá nhân không thống nhất, gây khó khăn cho công tác quản lý. Với việc thống kê dân số phục vụ hoạch định các kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội, củng cố an ninh-quốc phòng thì do hạn chế trong việc trao đổi, chia sẻ thông tin về hộ tịch với thông tin về dân số nên rất khó khăn trong việc điều tra, thống kê số liệu về dân số, cơ cấu dân số, chất lượng dân số, phân bố dân cư.

Bên cạnh đó, một số cơ quan có liên quan chưa thực sự coi trọng giá trị pháp lý của các giấy tờ hộ tịch của công dân khi cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ có liên quan đến hồ sơ, lý lịch của công dân nên vẫn có sự sai lệch giữa các loại giấy tờ của một cá nhân, gây khó khăn cho công dân và các cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ tư: Về đầu từ cơ sở, vật chất phục vụ công tác hộ tịch:

Cho đến nay vẫn còn một số xã chưa trang bị máy tính riêng cho công chức Tư pháp-Hộ tịch tác nghiệp, cũng như chưa có phòng và tủ riêng để cất giữ hồ sơ, sổ hộ tịch. Chính vì công chức Tư pháp-Hộ tịch phải sử dụng chung máy tính với văn phòng nên đã không đáp ứng yêu cầu về thời gian trả kết quả cho công dân; việc lưu chung hồ sơ, giấy tờ khác cũng dễ làm thất lạc hay hư hỏng hồ sơ, đặc biệt là sổ hộ tịch.

Thứ năm: Việc đăng ký, cấp giấy tờ hộ tịch còn tùy tiện:

Như trường hợp cấp giấy khai sinh mà không được ghi vào sổ đăng ký khai sinh (ủy ban nhân dân xã Tam Hưng). Giữa giấy tờ hộ tịch và sổ hộ tịch không trùng khớp về nội dung đăng ký. Một số trường hợp khi đăng ký lại việc sinh mà không có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc sổ hộ tịch bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.

Nhiều trường hợp đăng ký sự kiện hộ tịch chỉ dựa vào lời khai của người đi khai mà không yêu cầu cung cấp đầy đủ giấy tờ theo quy định để chứng minh sự kiện hộ tịch là có thật. Có những trường hợp phức tạp, do quen biết, nể nang, sợ dân phản ánh nên không đi thực tế xác minh làm rõ mà vẫn ký và cấp, suy cho cùng đã làm hợp thức hóa cái sai của họ thành cái đúng; khi giải quyết hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch công chức làm công tác hộ tịch chưa kiểm tra, xem xét kỹ các hồ sơ thay đổi, cải chính hộ tịch đã trình Chủ tịch ký Quyết định cải chính, thay đổi hộ tịch; đặc biệt là hồ sơ về cải chính ngày, tháng, năm sinh không đảm bảo được nguyên tắc của Nghị định 158/2005/NĐ-CP: “*mọi hồ sơ, giấy tờ đều phải phù hợp giấy khai sinh*” [10, Điều 5]. Công chức làm công tác hộ tịch chỉ căn cứ vào các loại giấy tờ như giấy chứng minh nhân dân, hộ khẩu, lý lịch đảng viên, sổ bảo hiểm và các loại bằng cấp học bạ... là được cải chính ngày, tháng, năm sinh dẫn đến công dân lợi dụng việc cải chính để hợp thức hóa giấy tờ cá nhân vì mục đích khác.

Thứ sáu: Kết hôn có yếu tố nước ngoài vẫn tăng cao và phát sinh nhiều vấn đề phức tạp:

Mặc dù Sở Tư pháp Hải Phòng đã có rất nhiều các biện pháp tích cực để lành mạnh hoá quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài, từng bước hạn chế những tiêu cực, như: tiến hành việc tư vấn pháp luật cho chị em phụ nữ trong thành phố về hôn nhân-gia đình có yếu tố nước ngoài, phát tờ rơi tuyên truyền “Những điều cần biết khi kết hôn với người nước ngoài”; tiến hành xác minh, điều tra, khảo sát tình hình công dân ở Hải Phòng đăng ký kết hôn với người nước ngoài; tích cực đấu tranh phòng chống các hành vi lợi dụng kết hôn nhằm mục đích mua bán, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục đối với phụ nữ hoặc vì mục đích trục lợi khác; đấu tranh phòng chống hoạt động môi giới kết hôn trái pháp luật...xác minh rõ động cơ, mục đích và tiến hành phỏng vấn của các bên trước khi đăng ký kết hôn, nếu đăng ký kết hôn do vi phạm các quy định đã nêu trong Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg và Nghị định 69/2006/NĐ-CP sẽ bị từ chối...

Tuy nhiên kết hôn có yếu tố nước ngoài vẫn rất phức tạp: từ năm 2009 có hiện tượng chuyển hướng không làm hồ sơ kết hôn ở Việt Nam mà tiến hành kết hôn ở Hàn Quốc, sau đó trở về Việt Nam làm thủ tục công nhận kết hôn. Do ở Hàn Quốc, thủ tục kết hôn đơn giản, không bắt buộc phải có mặt cả hai bên nam nữ, do đó đa số phụ nữ Việt Nam không có mặt tại Hàn Quốc khi kết hôn. Để hạn chế việc kết hôn không lành mạnh, đảm bảo nguyên tắc kết hôn tự nguyện của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, thực hiện đúng quy định tại khoản 11 Điều 20 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP và Nghị định 69/2006/NĐ-CP, trước khi quyết định công nhận việc kết hôn và ghi chú kết hôn, Sở Tư pháp mời cả hai bên nam nữ đến phỏng vấn, nếu không đảm bảo điều kiện kết hôn sẽ từ chối việc kết hôn. Tuy nhiên các quy định tại Nghị định còn khá đơn giản, lỏng lẻo, không điều chỉnh hết các vấn đề phát sinh,

dẫn đến việc giải quyết các vấn đề sau khi thực hiện còn có nhiều bất cập, khó khăn. Ví dụ, có trường hợp công dân Việt Nam khi đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, sau đó mang hồ sơ đến làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp; sau khi tiếp nhận hồ sơ có trường hợp khi đến phòng vẫn không được chấp nhận do vi phạm thuần phong mỹ tục hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam, nhưng hai bên nam, nữ đã sống chung với nhau như vợ chồng, thậm chí có con chung với nhau, đến khi phỏng vấn thì họ không đạt về ngôn ngữ giao tiếp...hoặc có trường hợp tự xin rút hồ sơ... Đây là khó khăn thực tế trong quá trình giải quyết các hồ sơ ghi chú kết hôn có yếu tố nước ngoài.

Việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài ở Hải Phòng vẫn còn khá cao, và tương đối phức tạp: trung bình mỗi năm có khoảng 495 trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài, đa số là kết hôn với người Hàn Quốc và Đài Loan, chiếm tỉ lệ tương đối cao (khoảng trên 50%). Trong đó có một số chị em phụ nữ do không tìm hiểu kỹ, kết hôn vội vàng hoặc qua môi giới hôn nhân, kết hôn không nhằm mục đích xây dựng gia đình...nên nhiều trường hợp đã sớm ly hôn và trở về Việt Nam, mang theo cả con hoặc là chưa làm thủ tục ly hôn nhưng đã bỏ về Việt Nam và sinh sống với người khác như vợ chồng... dẫn đến những hậu quả xã hội hết sức phức tạp và gây khó khăn cho các nhà quản lý.

2.3.2. Nguyên nhân của hạn chế

Một là: Hệ thống pháp luật còn phức tạp và chồng chéo

Mặc dù công tác hộ tịch có vị trí vai trò quan trọng đối với quản lý nhà nước và đảm bảo quyền và lợi ích của công dân, nhưng cho đến nay, ngoại trừ các quy định mang tính nguyên tắc trong Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật nuôi con nuôi năm 2010... Thì văn bản trực tiếp điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch cao nhất cũng chỉ là Nghị định và Thông tư, chưa có

một đạo luật riêng điều chỉnh về hộ tịch nên vai trò, ý nghĩa của công tác này chưa thực sự được đề cao, chưa được nhận thức một cách đầy đủ.

Mặt khác, do có quá nhiều văn bản cùng điều chỉnh trong lĩnh vực hộ tịch (có 6 Nghị định, 01 Thông tư Liên tịch và 5 Thông tư) tạo nên độ phức tạp, chồng chéo, gây khó khăn cho cơ quan hộ tịch khi áp dụng (khó nhớ, khó áp dụng), người dân cũng khó phân biệt việc hộ tịch của mình sẽ được áp dụng theo văn bản nào.

Nghị định 158/NĐ-CP trực tiếp điều chỉnh về lĩnh vực hộ tịch mặc dù đã có nhiều đổi mới và chuyển biến mạnh mẽ về tư duy và cách thức đăng ký và quản lý hộ tịch nhưng cũng còn nhiều những quy định bất cập, gây khó khăn trong quá trình thực hiện:

- Tại Chương II, Nghị định 158/NĐ-CP đã quy định khá rõ ràng về các sự kiện hộ tịch, thủ tục, điều kiện được quy định đơn giản hơn so với Nghị định 83/NĐ-CP ngày 10/10/1998. Tuy nhiên, khi quy định thủ tục đăng ký các sự kiện hộ tịch, nên nêu cụ thể các giấy tờ mà đương sự phải xuất trình ngay trong từng điều về từng sự kiện, chứ không nên tách riêng quy định ở nhiều điều như trong Nghị định 158/NĐ-CP. Điều này gây khó khăn cho đối tượng tiếp nhận văn bản.

VD: ở mục đăng ký khai sinh, thẩm quyền được quy định tại điều 13: Khi đăng ký khai sinh phải xuất trình các giấy tờ: giấy chứng sinh, giấy Chứng nhận kết hôn (nếu có) quy định ở điều 9. Đương sự khi đăng ký hộ tịch chỉ quan tâm đến hướng dẫn cho sự kiện mà mình đăng ký ở từng chương, mục cụ thể chứ ít khi đọc từ đầu đến cuối văn bản. Cho nên, các văn bản khi được ban hành nên quy định cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, dễ nhớ, tác động vào nhận thức của người dân, nhất là văn bản pháp luật về hộ tịch, vấn đề gắn liền mật thiết với người dân từ khi sinh ra đến khi chết phải đảm bảo tính rõ ràng, cụ thể, chính xác cao để người dân dễ tiếp nhận.

- Mục 3, Nghị định 158/NĐ-CP quy định về đăng ký khai tử, giấy báo tử và thẩm quyền cấp giấy báo tử; tại điểm i, khoản 2, Điều 22 có ghi rõ: *"đối với người chết trên phương tiện...biên bản xác nhận việc chết thay cho Giấy báo tử"* [10].

Quy định này có điểm không hợp lý và chưa dự tính hết các tình huống thực tế có thể xảy ra. Người chết trên phương tiện giao thông cũng phải trình Biên bản xác nhận việc chết có ít nhất 2 người làm chứng cùng đi trên phương tiện giao thông. Giả sử cả chuyến xe đều chết hoặc chỉ còn 01 người sống...? quy định này gây nhiều khó khăn cho việc áp dụng thực hiện.

- Điều 18, Nghị định 158/NĐ-CP quy định: *"đối với người đang công tác, học tập, lao động...ở nước ngoài về nước đăng ký kết hôn thì phải có xác nhận của cơ quan ngoại giao, lãnh sự Việt Nam tại nước sở tại về tình trạng hôn nhân của người đó"* [10]. Nhưng không quy định người trước kia công tác, học tập, lao động... ở nước ngoài bây giờ về Việt Nam thì có phải xác nhận như của người đang công tác, học tập không?

- Về thời hạn giải quyết việc cấp bản sao hộ tịch quy định phải thực hiện ngay trong ngày nhưng trên thực tế không đáp ứng được do điều kiện công tác của cấp lãnh đạo địa phương hoặc do việc lưu trữ và tra cứu sổ gốc bằng phương pháp thủ công nên rất khó thực hiện đúng thời hạn theo quy định.

- Tại khoản 1, Điều 16 Nghị định 158 quy định: *"Người phát hiện trẻ sơ sinh bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc công an xã, phường, thị trấn, nơi trẻ em bị bỏ rơi để lập biên bản và tìm người hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ em đó"* [10]. Trên thực tế, có một số trường hợp khi phát hiện ra trẻ em bị bỏ rơi, người phát hiện hoặc người nhận nuôi trẻ em không làm thủ tục khai báo với chính quyền địa phương, mà mang trẻ em về nuôi dưỡng, sau một vài năm mới đi đăng ký khai sinh cho trẻ hoặc người phát hiện trẻ bị bỏ rơi không báo cho Ủy ban

nhân dân cấp xã nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi, mà trực tiếp mang trẻ đến Trung tâm bảo trợ xã hội để nuôi dưỡng. Do vậy, việc đăng ký khai sinh cho trẻ em trong trường hợp này gặp nhiều khó khăn vì không đủ các thủ tục theo quy định để đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi.

- Theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Nghị định 158 thì việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch cấp trái với quy định của Nghị định là do cơ quan quản lý cấp trên thực hiện, nhưng thực tế có nhiều trường hợp cơ quan đăng ký hộ tịch sau khi đã cấp giấy tờ hộ tịch, cơ quan đăng ký tự phát hiện thấy có sai sót nhưng không phát huy được vai trò chủ động khắc phục hậu quả của địa phương.

- Chế tài xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp vi phạm quy định về đăng ký và quản lý hộ tịch theo Nghị định số 60/2009/NĐ-CP còn thấp, mặt khác nếu thực hiện xử phạt thường rơi vào các đối tượng nghèo, đối tượng chính sách... sẽ dẫn đến người dân không thực hiện việc đăng ký khai sinh cho đứa trẻ.

Hai là: Việc phân cấp thẩm quyền đăng ký chưa triệt để

Việc phân cấp về thẩm quyền đăng ký hộ tịch hiện nay tuy đã bảo đảm được sự minh bạch, rõ ràng và đã có sự phân cấp nhất định, nhưng còn chưa triệt để và tản mát và chia thành nhiều cấp, với nhiều cơ quan thực hiện khác nhau, nên đã dẫn đến một số hạn chế, bất cập đối với tổ chức bộ máy quản lý và việc thực hiện đăng ký hộ tịch.

Theo Nghị định 158/NĐ-CP quy định thì hiện nay, cả 03 cấp (tỉnh, huyện, xã) đều có thẩm quyền đăng ký hộ tịch dẫn đến tình trạng công kênh bộ máy thực hiện việc đăng ký hộ tịch và phải bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác đăng ký hộ tịch tại cả 3 cấp, với nhiều cơ quan liên quan để phối hợp giải quyết như: Tại cấp tỉnh là Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp; tại cấp huyện là Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tư pháp; tại cấp xã là Ủy ban nhân

dân xã. Thậm chí có nhiều việc phải có ý kiến chỉ đạo của cấp trên trước khi giải quyết (ví dụ như: để hạn chế tình trạng môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài và tránh tình trạng mất cân bằng giới tính, ủy ban nhân dân cấp xã trước khi cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam làm thủ tục kết hôn với công dân Trung Quốc, Hàn Quốc phải có ý kiến của Sở Tư pháp mới được cấp). Chính vì vậy, đã dẫn đến sự chồng chéo chức năng quản lý và đăng ký hộ tịch. Cũng do việc phân cấp chưa triệt để, nên từng cấp chủ yếu lo đăng ký, ít quan tâm đến nhiệm vụ quản lý, đặc biệt là công tác kiểm tra, thanh tra, chỉ đạo và hướng dẫn về nghiệp vụ đối với cấp dưới. (Ví dụ: mặc dù rất tích cực trong công tác thanh tra, kiểm tra xong do địa bàn rộng, dân số đông nên hàng năm Sở Tư pháp cũng chỉ kiểm tra được khoảng 4 quận, huyện và 16 phường, xã, thị trấn điển hình).

Việc phân chia thẩm quyền đăng ký hộ tịch thành nhiều cấp không chỉ dẫn đến tình trạng chồng chéo trong bộ máy thực hiện việc đăng ký hộ tịch mà còn dẫn đến sự phức tạp, không rõ ràng trong việc xác định thẩm quyền và thủ tục đăng ký hộ tịch, gây khó khăn cho người dân, thậm chí cả cán bộ Tư pháp-Hộ tịch trong việc xác định thẩm quyền đăng ký hộ tịch.

Ví dụ: Đối với đối tượng là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, nếu kết hôn thì thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, nếu xin cấp lại bản chính giấy khai sinh thì thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, nhưng nếu đăng ký khai sinh cho con thì lại thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ba là: ý thức người dân

Do ý thức của người dân đối với quyền và nghĩa vụ hộ tịch còn hạn chế nên tình trạng đăng ký hộ tịch quá hạn vẫn còn trong nhân dân: số lượng đăng ký khai sinh quá hạn vẫn còn cao (năm 2013 chiếm khoảng 7,1% so với tổng số đăng ký khai sinh ở cấp xã); tỉ lệ đăng ký khai tử còn thấp, những ai chết có chế độ thì người nhà mới ra đăng ký khai tử...

Ngoài ra còn một bộ phận dân cư chưa có ý thức trách nhiệm về độ chính xác đối với lời khai đăng ký hộ tịch của mình (đây chính là lý do dẫn đến số lượng việc cải chính, điều chỉnh hộ tịch ở Hải Phòng rất lớn), đẩy trách nhiệm xác minh về phía nhà nước, dần dần tạo một tâm lý lo ngại, thiếu tin tưởng cho công chức làm công tác hộ tịch khi thực hiện nhiệm vụ.

Bốn là: Đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch phải kiêm nhiệm nhiều công việc và không ổn định

Hiện nay, ở các xã, phường, thị trấn, công chức Tư pháp-Hộ tịch ngoài việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì phải đảm nhiệm 12 đầu việc, trong đó có việc đăng ký và quản lý hộ tịch, cụ thể theo Bộ thủ tục hành chính áp dụng tại cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2009 thì lĩnh vực Tư pháp gồm 85 thủ tục, đây là lĩnh vực có danh mục cao nhất so với các lĩnh vực khác ở cấp xã. Trong khi đó, trên thực tế, tính chất chuyên môn của công tác hộ tịch và các công tác Tư pháp khác (công tác văn bản, tuyên truyền pháp luật, hoà giải...) rất khác nhau, không phù hợp với việc ghép chung một cách cơ học hai loại nhiệm vụ này trong cùng một chức danh Tư pháp-Hộ tịch. Cũng chính vì phải kiêm nhiệm nhiều công việc khác nhau, nên công chức Tư pháp-Hộ tịch không có thời gian đầu tư cho việc nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn cũng như cập nhật kịp thời những văn bản mới. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch chưa được chuyên nghiệp. Mặt khác đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch là vị trí dễ bị thay đổi theo nhiệm kỳ của Ủy ban nhân dân xã nên chuyên môn bị hạn chế do không được bồi dưỡng nghiệp vụ kịp thời. Đây là nguyên nhân làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch.

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch còn hạn chế: Công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ nói chung, trong đó có công chức Tư pháp-Hộ tịch còn chưa được chú trọng, chưa thực sự trở

thành một công cụ hữu hiệu trong việc quản lý, sử dụng đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch; chưa gắn việc quy hoạch với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, do vậy nhiều xã còn thiếu hụt về nguồn cán bộ thay thế trong quá trình thay đổi, bố trí, sắp xếp cán bộ công chức. Một số nơi, việc tuyển dụng công chức Tư pháp-Hộ tịch cấp xã chưa thật sự công khai, dân chủ theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nên chưa khuyến khích, thu hút được người có trình độ, năng lực tham gia dự tuyển vào chức danh Tư pháp-Hộ tịch. Mặt khác lãnh đạo một số xã chưa thật sự nhìn nhận đúng về vị trí, vai trò tầm quan trọng của công chức Tư pháp-Hộ tịch nên chưa thật sự quan tâm đầu tư đúng mức cho công tác này.

Đối với công chức làm công tác hộ tịch ở các Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thì chủ yếu là kiêm nhiệm rất nhiều công việc khác nhau, ở các quận, huyện hiện nay theo Bộ thủ tục hành chính được áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2009 thì lĩnh vực Tư pháp bao gồm 35 thủ tục hành chính. Đặc biệt là khi Nghị định 04/2012/NĐ- CP ngày 20/01/2012 và có hiệu lực ngày 05/3/2012, đã tăng thêm quyền chứng thực bản sao từ bản chính cho cấp huyện thì khối lượng công việc của các Phòng Tư pháp đều trong tình trạng quá tải. Bên cạnh đó công chức làm công tác hộ tịch còn phải chịu áp lực về thời gian giải quyết công việc, thời gian giải quyết các hồ sơ về hộ tịch là giải quyết ngay trong ngày đến 05 ngày. Với khối lượng công việc phải kiêm nhiệm nhiều và áp lực về mặt thời gian nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả quản lý của nhà nước.

Hải Phòng là một thành phố rộng lớn và đông dân cư, nhưng hiện nay Phòng Hành chính-Tư pháp thuộc Sở Tư pháp mới chỉ có 05 cán bộ, công chức (trong đó có 3 lãnh đạo, 01 chuyên viên và 01 hợp đồng). Theo Bộ thủ tục hành chính mà thành phố Hải Phòng công bố năm 2009 thì Phòng Hành chính-Tư pháp bao gồm 38 danh mục thủ tục. Với phân bổ biên chế như hiện

nay chưa tương xứng đáp ứng yêu cầu công tác và ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng công việc.

Năm là: Yêu cầu cải cách thủ tục hành chính chưa gắn liền với đặc thù của công việc hộ tịch

Mặc dù việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (theo Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg ngày 04/9/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa tại các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) đã phát huy hiệu quả tích cực, tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong đăng ký hộ tịch, đôi khi lại có tác động ngược lại, đặc biệt là tiến độ xử lý hồ sơ. Để giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch, đòi hỏi cán bộ thụ lý hồ sơ phải chuyên sâu để kiểm tra, hướng dẫn hồ sơ, nhưng thực tế trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ tham gia vào quy trình “một cửa”, cụ thể là cán bộ tiếp nhận hồ sơ còn hạn chế về trình độ chuyên môn vì đa số cán bộ được bố trí vào vị trí này là cán bộ văn phòng.

Nên khi hồ sơ của đương sự còn thiếu hoặc chưa đạt yêu cầu, nhưng cán bộ tiếp nhận không phát hiện được để hướng dẫn hoặc hướng dẫn không đầy đủ, nên người dân phải đi lại nhiều lần, kéo dài thời gian giải quyết. Mặt khác theo quy định hiện nay thì một số việc đăng ký hộ tịch phải giải quyết ngay (như đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, cấp lại bản chính giấy khai sinh, cấp lại bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ gốc...) nếu cứ áp dụng quy trình nộp hồ sơ cho bộ phận một cửa, bộ phận một cửa chuyển cho phòng hoặc cán bộ chuyên môn kiểm tra hồ sơ, sau đó lại chuyển lên bộ phận một cửa...thì không thể bảo đảm trả kết quả cho công dân ngay trong ngày.

Sáu là: Phương thức đăng ký hộ tịch còn mang tính chất thủ công, mức độ áp dụng công nghệ thông tin còn hạn chế

Cho đến nay, Hải Phòng vẫn chưa có mạng liên thông kết nối dữ liệu

hộ tịch giữa cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh. Một số quận, huyện và xã mới chỉ có phần mềm công cụ hỗ trợ đơn giản cho công tác hộ tịch. Tuy nhiên hệ thống phần mềm tại các địa phương này cũng được xây dựng từ nhiều nguồn, do nhiều đối tác cung cấp khác nhau, nên chỉ mang tính cục bộ, khó có khả năng kết nối thông tin với các địa phương khác, các cơ quan và các ngành khác. Vì vậy khả năng chia sẻ thông tin hộ tịch giữa các cấp, các ngành và khả năng phục vụ nhu cầu tra cứu, xác minh thông tin hộ tịch của người dân gặp rất nhiều khó khăn.

Ngoài ra với phương thức đăng ký hộ tịch hiện nay chủ yếu vẫn thực hiện theo phương pháp thủ công (ghi bằng tay, lưu bằng giấy). Do chưa có cơ sở dữ liệu về hộ tịch nên việc lưu bằng sổ giấy dễ dẫn bị hỏng, bị mất, từ đó không đáp ứng được yêu cầu thống kê số liệu cũng như yêu cầu cấp giấy tờ hộ tịch cho người dân. Mặt khác mỗi sự kiện hộ tịch (sinh, kết hôn, tử, nuôi con nuôi, giám hộ...) vẫn được đăng ký vào một sổ riêng (sổ đăng ký khai sinh, sổ đăng ký kết hôn, sổ đăng ký khai tử, sổ đăng ký nuôi con nuôi...), các sự kiện hộ tịch của một người có thể được đăng ký ở nhiều địa phương, nhiều cấp khác nhau, thậm chí ở nước ngoài. Nên dẫn đến tình trạng các dữ liệu hộ tịch của cá nhân bị phân tán, cơ quan đăng ký hộ tịch không quản lý được dữ liệu hộ tịch cá nhân. Nhà nước cũng không nắm được sự di biến động về hộ tịch.

Quy định về lưu trữ sổ hộ tịch (một quyển lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã, 01 quyển lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện). Tuy nhiên theo thống kê số liệu nhiều địa phương không lưu được đầy đủ sổ các năm ở cấp huyện và cấp xã. Dữ liệu hộ tịch không đầy đủ đã làm hạn chế khả năng khai thác thông tin hộ tịch để phục vụ yêu cầu của người dân và cơ quan, tổ chức, giảm hiệu quả quản lý dân cư, quản lý xã hội. Số liệu hộ tịch chưa đóng góp được nhiều cho công tác dự báo, hoạch định, xây dựng và thực thi chính sách về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng của thành phố.

Ngoài ra, các giấy tờ hộ tịch được cấp cho cá nhân chỉ có nội dung ghi về một sự kiện hộ tịch đã được đăng ký, nên khi cần chứng minh tình trạng hộ tịch, người dân phải xuất trình tất cả các loại giấy tờ hộ tịch đã được cấp. Hồ sơ đăng ký hộ tịch còn nhiều loại giấy tờ có nhiều thông tin trùng lặp (tờ khai, chứng minh nhân dân, hộ khẩu...), yêu cầu cải cách thủ tục hành chính chưa gắn với đặc thù của công việc hộ tịch.

Như vậy với phương thức đăng ký hộ tịch này sẽ không phù hợp với định hướng xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp và hiện đại.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HỘ TỊCH Ở HẢI PHÒNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Phương hướng quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

3.1.1. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hộ tịch

Hộ tịch là một trong những công tác quan trọng của Ngành Tư pháp, góp phần vào công tác quản lý nhà nước như thống kê tỷ lệ sinh, tử, kết hôn...Do đó, lĩnh vực hộ tịch trở thành mối quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc cải cách hành chính hiện nay dần hướng đến xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp...

Để đảm bảo quán triệt được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hộ tịch trong quá trình thực hiện cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Tính kịp thời:

Mọi sự kiện hộ tịch phát sinh trong đời sống xã hội phải được cán bộ hộ tịch đăng ký và quản lý trong thời hạn pháp luật quy định đối với từng loại việc, hạn chế tối đa tình trạng đăng ký quá hạn hoặc không đăng ký hộ tịch. Suốt một thời gian dài trước đây việc bảo đảm tính kịp thời trong đăng ký và quản lý hộ tịch chưa được quan tâm đúng mức, mà biểu hiện cụ thể là tình trạng đăng ký khai sinh quá hạn.

Việc đăng ký và quản lý kịp thời mọi sự kiện hộ tịch vừa đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của người dân, vừa phục vụ cho công tác thống kê hộ tịch. Số liệu thống kê hộ tịch là nguồn thông tin vô cùng quý giá đối với nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước, do đó, việc cung cấp số liệu thống kê hộ tịch kịp thời từ cấp xã tới Trung ương có ý nghĩa rất quan trọng. Tuy nhiên, tính

kip thời của công tác quản lý hộ tịch chỉ có thể đạt được khi người dân có ý thức tự giác trong việc thực hiện quyền và chấp hành nghĩa vụ đăng ký hộ tịch, đồng thời cán bộ Tư pháp-Hộ tịch phải ý thức trách nhiệm trong việc chủ động theo dõi, nắm vững các sự kiện hộ tịch phát sinh tại địa bàn và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đăng ký hộ tịch.

- Tính đầy đủ:

Đây là yêu cầu quan trọng gắn liền với yêu cầu về tính kịp thời. Yêu cầu đặt ra là việc quản lý nhà nước trên từng loại việc hộ tịch: khai sinh, khai tử, kết hôn, nuôi con nuôi... dù ở đô thị hay nông thôn cũng phải đạt hiệu quả đồng đều. Thực tế hiện nay cho thấy hiệu quả quản lý hộ tịch vẫn chưa đồng đều giữa các loại việc hộ tịch. Nhiều xã, phường, thị trấn hoạt động đăng ký khai sinh và đăng ký kết hôn được quan tâm thực hiện tốt nhưng hoạt động khai tử và một số hoạt động khác chưa được quan tâm đúng mức. Đến nay tại nhiều xã nghĩa vụ khai tử và một số việc hộ tịch khác vẫn chưa được người dân chấp hành đầy đủ. Bên cạnh đó, tình trạng đăng ký khai sinh quá hạn và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn vẫn tồn tại, đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả quản lý nhà nước.

Trong nghiệp vụ về quản lý hộ tịch, yêu cầu tính đầy đủ còn đòi hỏi công chức quản lý hộ tịch khi thực hiện đăng ký bất kỳ sự kiện hộ tịch nào cũng phải ghi đầy đủ các thông tin cần thiết vào các cột, mục tương ứng trong sổ hộ tịch và giấy tờ hộ tịch, làm cơ sở cho việc tra cứu về sau dễ dàng, thuận tiện; đồng thời phải chấp hành nghiêm túc chế độ đăng ký, quản lý hộ tịch bằng “sổ kép”, theo đó, mỗi sự kiện hộ tịch phải được đăng ký cùng lúc hai bộ sổ.

- Tính chính xác, khách quan:

Đăng ký hộ tịch phải phản ánh chính xác, trung thực sự kiện hộ tịch xảy ra trên thực tế, hạn chế tối đa tình trạng sai sót khi đăng ký hộ tịch do lỗi

vô ý của cán bộ Tư pháp-Hộ tịch hoặc người đi đăng ký hộ tịch. Nghiêm cấm việc cố ý đăng ký hộ tịch hoặc cấp giấy tờ hộ tịch không đúng sự thật.

Trước đây, do nhận thức chưa đầy đủ về ý nghĩa quan trọng của việc đảm bảo chính xác, khách quan trong đăng ký hộ tịch, nên có tình trạng người dân chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn hoặc muốn cho con đi học sớm... đã tìm mọi cách để được cấp bản sao giấy khai sinh có thông tin về năm sinh sai lệch với bản chính. Ngoài ra còn có trường hợp Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã yêu cầu cán bộ Tư pháp-Hộ tịch sửa nội dung đăng ký trong sổ gốc để cấp bản chính giấy khai sinh theo yêu cầu của công dân để trục lợi....

Những hiện tượng vi phạm tính chính xác, khách quan trong đăng ký hộ tịch nêu trên có thể dẫn tới những hệ quả phức tạp về sau nếu các giấy tờ như học bạ, bằng cấp, hộ khẩu, chứng minh nhân dân, lí lịch đảng viên, sổ bảo hiểm của cá nhân có những thông tin sai lệch so với giấy khai sinh.

- Đảm bảo yêu cầu của pháp chế:

Việc đăng ký hộ tịch phải thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, bảo đảm cho mọi sự kiện hộ tịch phải được đăng ký kịp thời, thống kê đầy đủ, chính xác; Các yêu cầu của người dân về cải chính, bổ sung hộ tịch, cấp bản sao giấy tờ từ sổ hộ tịch cần phải giải quyết kịp thời, đúng pháp luật. Việc quản lý và sử dụng các loại sổ hộ tịch, các biểu mẫu hộ tịch phải theo đúng cách thức quy định.

Tuy nhiên cần nhận thức một cách đầy đủ rằng, yêu cầu về tính pháp chế trong công tác đăng ký hộ tịch không mâu thuẫn và hoàn toàn không loại trừ khả năng cho phép người có thẩm quyền đăng ký hộ tịch được vận dụng linh hoạt khi tác nghiệp.

Ví dụ: Khi đăng ký khai sinh, nếu cán bộ Tư pháp-Hộ tịch đã biết rõ về bố, mẹ của đứa trẻ thì không cần phải xuất trình giấy đăng ký kết hôn.

Vì vậy cơ quan quản lý hộ tịch các cấp cần nhận thức rằng:

Quản lý hộ tịch là nhiệm vụ quan trọng của chính quyền và phải thường xuyên nắm vững tình hình hộ tịch tại địa bàn quản lý của mình, từ đó chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hiệu quả quản lý hộ tịch.

Cơ quan tư pháp các cấp phải chủ động phát huy vai trò tham mưu giúp ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, kịp thời đề xuất và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình địa phương. Cơ quan quản lý cấp trên phải thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc phát sinh đối với cơ quan cấp dưới.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, cán bộ Tư pháp-Hộ tịch cần chủ động theo dõi tình hình phát sinh các sự kiện hộ tịch trong địa bàn để thực hiện việc đăng ký kịp thời, đầy đủ.

- Yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính:

Yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính được thể hiện trước hết và tập trung trong việc xây dựng các quy định pháp luật về hộ tịch cho thấy, việc ban hành các quy phạm về thủ tục đăng ký hộ tịch luôn đặt trong sự giằng co giữa những mâu thuẫn khác nhau: mâu thuẫn yêu cầu phục vụ hoạt động quản lý và yêu cầu quyền lợi của người dân; mâu thuẫn giữa những thói quen coi đăng ký hộ tịch là nghĩa vụ của người dân với sự đổi mới tư duy coi việc quản lý hộ tịch trước hết là trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Nếu nghiêng về yêu cầu phục vụ hoạt động quản lý, thì các thủ tục đăng ký hộ tịch sẽ được quy định chặt chẽ bằng các quy định “cứng”, hạn chế tính linh hoạt trong áp dụng pháp luật (biểu hiện rõ nét nhất của lối tư duy này là việc đặt ra các quy định yêu cầu người dân khi đăng ký hộ tịch phải xuất trình nhiều loại giấy tờ khác nhau). Cách tư duy này cũng khiến cho hoạt động quản lý hộ tịch luôn ở trạng thái bị động dẫn đến tình trạng cơ quan quản lý không chịu trách nhiệm về hiệu quả quản lý hộ tịch trong phạm vi quản lý của mình. Đây cũng là nguồn gốc dẫn đến căn bệnh vô cảm trước quyền lợi của người dân, khi mà các quy

định thủ tục chặt chẽ, người có trách nhiệm đăng ký sẽ không có được cơ hội để linh hoạt trong hoạt động tác nghiệp để giải quyết các yêu cầu chính đáng của người dân. Ngược lại, nếu nghiêng về yêu cầu phục vụ người dân thì thủ tục đăng ký hộ tịch phải được thiết kế một cách đơn giản tối đa, phải quy định theo hướng “mở”, cho phép áp dụng pháp luật một cách linh hoạt, phù hợp với các đặc điểm dân cư và trình độ phát triển xã hội không đồng đều ở nước ta hiện nay. Thủ tục đăng ký hộ tịch cần giải quyết một cách hài hòa mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước và công dân, trong đó với yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng một nền hành chính phục vụ, thì yêu cầu phục vụ người dân đăng ký hộ tịch thuận tiện phải được ưu tiên hàng đầu khi thiết kế các quy phạm thủ tục.

Yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch đòi hỏi cán bộ hộ tịch phải có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể dễ dàng, thuận lợi trong việc đến đăng ký hộ tịch, tuyệt đối không được yêu cầu người dân phải nộp hoặc xuất trình các loại giấy tờ không có trong quy định của pháp luật. Mặt khác cũng yêu cầu cán bộ hộ tịch phải rèn luyện, nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo hướng chuyên nghiệp hóa.

3.1.2. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương

Trong thời gian qua, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xác định là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên. Công tác hộ tịch được thực hiện tốt đã góp phần phục vụ tích cực đối với các mặt kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương. Thông qua công tác quản lý, đăng ký hộ tịch đã theo dõi được số liệu sinh, tử, là cơ sở để theo dõi sự biến động về dân số, nguồn lao động, trên cơ sở đó bảo hộ các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân và gia đình, phục vụ cho việc xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, xã hội ở địa

phương phù hợp trong từng thời kỳ; phục vụ cho việc tuyển quân hàng năm. Nhìn chung, pháp luật hộ tịch ngày càng được hoàn thiện đã và phải phát huy hiệu quả tích cực trong quá trình xây dựng và phát triển các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng...

Đối với công tác Giáo dục và Đào tạo, giấy tờ hộ tịch giúp cho việc xác định độ tuổi đi học của trẻ em, đồng thời làm cơ sở để điều chỉnh những sai sót về họ tên, ngày, tháng, năm sinh trong học bạ, văn bằng do ngành Giáo dục và Đào tạo cấp.

Công tác Lao động, Thương binh và Xã hội, trên cơ sở số liệu về đăng ký hộ tịch làm cơ sở để xây dựng những chính sách về mặt xã hội, xác định độ tuổi lao động, phục vụ cho việc cấp thẻ bảo hiểm cho trẻ em, v.v.v

Công tác quản lý hộ tịch giúp cho ngành Công an trong việc đăng ký, quản lý nhân hộ khẩu (việc sinh), làm cơ sở để xác định độ tuổi cấp chứng minh nhân dân, xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đồng thời Giấy khai sinh làm cơ sở để điều chỉnh về họ tên, ngày, tháng, năm sinh trong hồ sơ cá nhân do cơ quan công an quản lý.

Công tác Dân số và Kế hoạch hóa gia đình trên cơ sở giấy tờ hộ tịch để xác định về tỉ lệ tăng dân số, về xác định độ tuổi trẻ em khám chữa bệnh miễn phí phục vụ công tác tiêm phòng...

3.1.3. Bảo đảm, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân

Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở thành phố Hải Phòng đã có những bước chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước, cũng như việc đáp ứng yêu cầu chính đáng và đảm bảo thuận lợi cho người dân. Hệ thống các cơ quan đăng ký và quản lý hộ tịch từ thành phố đến quận, huyện, phường, xã, thị trấn đã được củng cố và phát triển cả về số lượng cũng như chất lượng, đảm bảo đáp ứng yêu cầu đăng ký kịp thời, đầy đủ, chính xác các sự kiện hộ tịch phát sinh ngày càng tăng nhiều về số lượng trên địa bàn thành phố.

Việc đăng ký hộ tịch đã tạo cơ sở pháp lý cho mọi người dân trong thành phố được bảo đảm quyền nhân thân cơ bản của công dân, như quyền được khai sinh, quyền đối với họ tên, quyền thay đổi họ tên, quyền xác định dân tộc, quyền nhận cha, mẹ, con, quyền kết hôn.

Tình hình đăng ký hôn nhân-gia đình có yếu tố nước ngoài tại Hải Phòng đã được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật về hồ sơ, trình tự, thủ tục, đảm bảo giải quyết nhanh chóng yêu cầu của người dân.

Đăng ký và quản lý hộ tịch để xác định những sự kiện pháp lý cơ bản về tình trạng nhân thân của mỗi con người từ khi sinh ra đến khi chết đi, nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi cá nhân và gia đình, là cơ sở để giúp cho chính quyền các cấp trong việc quản lý, theo dõi thực trạng và sự biến động về hộ tịch; là cơ sở để hoạch định tốt các chính sách về dân số, kế hoạch hóa gia đình.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

3.2.1. Hoàn thiện pháp luật hộ tịch

Hộ tịch là một công tác quan trọng của Ngành Tư pháp, góp phần vào công tác quản lý nhà nước như thống kê tỷ lệ sinh, tử và kết hôn...Do đó, lĩnh vực hộ tịch trở thành mối quan tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc cải cách thủ tục hành chính hiện nay dần hướng đến xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp.

Có thể nói rằng, nếu công tác hộ tịch được thực hiện tốt trên phương diện phương pháp quản lý, đăng ký và lưu trữ khoa học thì việc truy cập thông tin của một cá nhân nào đó sẽ giúp các cơ quan nhà nước phối hợp quản lý tốt hơn các vấn đề như an ninh, cư trú, thống kê dân số và phát triển kinh tế- xã hội. Tuy nhiên cho đến nay các quy định của pháp luật về hộ tịch vẫn còn nhiều bất cập.

Mặc dù Đảng, Nhà nước và các cơ quan chức năng có liên quan đã có

nhieu cố gắng trong việc đổi mới về thể chế cũng như phương pháp đăng ký và quản lý hộ tịch, tuy nhiên công tác này vẫn bộc lộ những thiếu sót trong việc quản lý và cung cấp thông tin hộ tịch từ phía cơ quan nhà nước cho công dân hoặc giữa các cơ quan nhà nước với nhau. Vì vậy cần nhanh chóng xây dựng và ban hành Luật Hộ tịch để thay thế các văn bản hiện hành.

Việc xây dựng và ban hành Luật Hộ tịch là đòi hỏi bức xúc của thực tiễn, đồng thời là cơ hội lớn để đổi mới, hiện đại hóa công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, khắc phục lỗi mòn trước đây trong công tác này và cũng phù hợp với chủ trương của Đảng, Chính phủ về cải cách tư pháp, cải cách hành chính. Mục tiêu của dự án Luật là bảo đảm mọi yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân được đáp ứng kịp thời, thuận lợi; việc đăng ký hộ tịch phải chính xác, khách quan; hoạt động đăng ký hộ tịch phải phục vụ đắc lực cho việc hoạch định các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương của đất nước. Trên cơ sở việc xây dựng và ban hành Luật Hộ tịch được thực hiện trên quan điểm chỉ đạo sau đây:

- Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách hành chính theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XI và Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011-2020, đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký hộ tịch theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân.

- Bám sát những định hướng lớn của Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung, nhất là các quy định liên quan đến đảm bảo quyền con người, quyền công dân, đồng thời bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các luật liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Quốc tịch, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật nuôi con nuôi...

- Tách bạch chức năng quản lý nhà nước về hộ tịch và chức năng đăng ký hộ tịch theo hướng phân cấp triệt để thẩm quyền đăng ký hộ tịch cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nhằm đề cao trách nhiệm, tính chuyên nghiệp của đội

ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cấp xã, từng bước chuẩn hóa đội ngũ hộ tịch viên, tạo sự đổi mới về chất trong đăng ký hộ tịch, đồng thời tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh trong quản lý nhà nước về hộ tịch.

- Hiện đại hóa công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, thông qua quy định cấp số định danh cá nhân và xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, trên cơ sở đó thực hiện lộ trình cắt giảm thủ tục hành chính và giấy tờ công dân trong đăng ký hộ tịch.

- Tiếp tục kế thừa và phát triển các quy định pháp luật về hộ tịch đã được thực tế kiểm nghiệm, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của một số nước có hệ thống đăng ký và quản lý hộ tịch phát triển, phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Định hướng xây dựng dự án Luật Hộ tịch:

- Về số định danh cá nhân:

Số định danh cá nhân là dãy số tự nhiên, được lập trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mã hóa những thông tin cơ bản của cá nhân, đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin, phục vụ lợi ích của cá nhân và công tác quản lý nhà nước. Số định danh cá nhân chỉ được cấp một lần duy nhất cho cá nhân khi đăng ký khai sinh, được ghi vào sổ bộ hộ tịch, trích lục hộ tịch và giấy tờ khác theo quy định của pháp luật. Khi xây dựng thành công Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, mỗi công dân có một định danh, sẽ tạo ra sự đột phá trong quản lý nhà nước về hộ tịch, phục vụ tích cực cho việc giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến cho người dân; là cơ sở cho việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng các phương thức đăng ký, quản lý khoa học, tiên tiến trong các lĩnh vực khác có liên quan đến quản lý dân cư.

- Về thẩm quyền đăng ký hộ tịch:

Giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết toàn bộ sự kiện hộ tịch là

một trong những quan điểm cải cách lớn về phân cấp thẩm quyền đăng ký hộ tịch, phù hợp với chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về cải cách hành chính, đồng thời phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế (hiện nay, hầu hết các nước trên thế giới quy định thẩm quyền đăng ký hộ tịch thuộc chính quyền cấp cơ sở).

- Về việc lập sổ bộ hộ tịch và cấp trích lục cho công dân:

Sổ bộ hộ tịch được lập và lưu giữ tại Ủy ban nhân dân cấp xã để xác nhận sự kiện khai sinh của cá nhân và cập nhật các sự kiện hộ tịch tiếp theo của người đó đến khi chết; nơi đăng ký khai sinh là nơi quản lý hộ tịch gốc của cá nhân. Sổ bộ hộ tịch cũng được lập và lưu giữ tại Bộ ngoại giao để cập nhật, quản lý sự kiện hộ tịch của công dân Việt Nam đã được đăng ký tại Cơ quan Ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài. Các sự kiện hộ tịch phát sinh sau khi đăng ký khai sinh như kết hôn; nhận cha, mẹ, con; giám hộ; thay đổi, cải chính hộ tịch... không bắt buộc phải đăng ký tại nơi quản lý hộ tịch gốc của cá nhân, mà người dân có thể yêu cầu đăng ký tại nơi cư trú của mình. Trong trường hợp này, sau khi đăng ký, hộ tịch viên phải thông báo về nơi quản lý hộ tịch gốc để ghi vào sổ hộ tịch. Với phương thức đăng ký này, thì mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân cho dù được đăng ký ở các nơi khác nhau, đều được tập trung tại nơi quản lý hộ tịch gốc (nơi đăng ký khai sinh).

Việc cấp trích lục hộ tịch cho người dân được thực hiện ngay sau khi đăng ký các việc hộ tịch hoặc theo yêu cầu của người dân thay vì cấp các loại bản chính giấy tờ hộ tịch để người dân tự bảo quản và sử dụng như hiện nay. Quy định này, một mặt loại bỏ áp lực cho người dân trong việc phải lưu giữ, bảo quản bản chính giấy tờ hộ tịch, mặt khác khắc phục tình trạng tồn kém chi phí in ấn, phát hành biểu mẫu hiện nay.

- Về xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử:

Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thống nhất để quản lý

trong phạm vi cả nước là yêu cầu bức thiết. Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử sẽ tạo nhiều thuận lợi cho công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, đặc biệt trong việc thống kê, tra cứu, khai thác thông tin một cách nhanh chóng, kịp thời; phục vụ đắc lực cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế-xã hội.

- Về chức danh hộ tịch viên:

Với tinh thần cải cách và tạo sự đột phá mạnh mẽ trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, thì việc chuẩn hóa chức danh hộ tịch viên là rất cần thiết. Điều đó sẽ đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực này. Việc quy định chức danh hộ tịch viên theo hướng chuyên nghiệp hóa, ổn định, vừa nâng cao trách nhiệm, hiệu quả của công chức làm công tác hộ tịch, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người dân. Hộ tịch viên có vai trò quan trọng trong việc xác lập, cập nhật các thông tin cơ bản của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cấp số định danh cho cá nhân đăng ký khai sinh; bảo đảm chính xác và kịp thời của các thông tin về công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đáp ứng được yêu cầu của lộ trình thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến [38].

3.2.2. Kiện toàn bộ máy quản lý hộ tịch ở Hải Phòng

Cần tiếp tục phân cấp mạnh mẽ thẩm quyền đăng ký hộ tịch để tách bạch rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước về hộ tịch và chức năng đăng ký hộ tịch. Nhằm khắc phục tình trạng cả ba cấp (tỉnh, huyện, xã) đều thực hiện chức năng đăng ký hộ tịch như hiện nay, tạo điều kiện cho Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh tập trung thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước. Tiếp tục phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm quyền đăng ký tất cả các việc hộ tịch. Quy định này vừa tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong việc thực hiện quyền đăng ký hộ tịch vừa đáp ứng được yêu cầu cải cách thủ tục

hành chính (một việc-việc đăng ký hộ tịch chỉ do một cơ quan- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện). Hơn nữa công việc hộ tịch (sinh, tử, kết hôn...) luôn gắn với người dân, nên tập trung thẩm quyền đăng ký hộ tịch cho cấp xã là hoàn toàn phù hợp, qua đó giúp chính quyền địa phương nắm rõ và quản lý tốt hơn dân cư trên địa bàn. Tham khảo kinh nghiệm và thực tiễn nhiều nước trong khu vực (như Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Đức...) cho thấy, các nước cũng chỉ giao cho một cấp (tương đương Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện việc đăng ký hộ tịch.

Riêng đối với nuôi con nuôi thì trình tự, thủ tục đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định của Luật Nuôi con nuôi (được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 10/6/2010, có hiệu lực từ ngày 01/01/2011). Theo đó, việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã; còn nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thì theo yêu cầu của Công ước La Hay về bảo vệ trẻ em và hợp tác trong lĩnh vực con nuôi quốc tế mà Việt Nam là thành viên được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

Tuy nhiên, nếu phân cấp mạnh cho cấp xã đăng ký toàn bộ các loại việc hộ tịch, kể cả hộ tịch có yếu tố nước ngoài, thì chắc chắn nhiều xã, phường, thị trấn hiện nay vẫn chưa đáp ứng được ngay yêu cầu của nhiệm vụ. Bởi vì, thực tế hiện nay ở cấp xã mới chỉ có 1 hoặc 2 cán bộ Hộ tịch (trên 60% xã, phường, thị trấn có cán bộ Tư pháp-Hộ tịch 2), với trình độ chưa đồng đều, nhưng phải thực hiện 12 nhóm việc thuộc lĩnh vực Tư pháp, chưa kể các loại việc khác do Ủy ban nhân dân cấp xã giao. Nếu phải đảm nhận thêm các loại việc có yếu tố nước ngoài thì áp lực sẽ rất cao, dễ dẫn đến sai sót trong giải quyết công việc. Mặt khác, cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp xã còn thiếu thốn, chưa khang trang cũng gây khó khăn cho việc đăng ký hộ tịch, nhất là đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

Từ những lí do trên, đề nghị Dự án Luật Hộ tịch nên quy định mô hình

hai cấp quản lý (cấp Trung ương và cấp tỉnh) và hai cấp đăng ký (cấp huyện và cấp xã). Trong đó, cấp Trung ương là cấp quản lý vĩ mô, chuyên về hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật; cấp tỉnh là cấp tổ chức thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra; cấp huyện chủ yếu là hướng dẫn, kiểm tra và trực tiếp đăng ký một số việc hộ tịch có yếu tố nước ngoài; cấp xã là cấp trực tiếp thực hiện đăng ký các loại việc hộ tịch còn lại.

3.2.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở Hải Phòng

Xác định vai trò của việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức là một trong mục tiêu quan trọng trong cải cách hành chính nói chung và trong lĩnh vực hộ tịch nói riêng. Trong những năm qua, Ngành Tư pháp thành phố Hải Phòng đã tích cực tham mưu cho Thành Ủy, Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện thể chế liên quan đến đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch; thường xuyên quan tâm thực hiện các giải pháp nhằm ngày càng nâng cao chất lượng, trách nhiệm của đội ngũ này, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi mà cán bộ Tư pháp-Hộ tịch được giao phụ trách rất nhiều đầu việc. Cụ thể như sau:

- Ngày 14/6/2013 Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 4173/KH-UBND về triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan quản lý nhà nước và trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố. Căn cứ vào Kế hoạch của thành phố và các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân các quận, huyện đã và đang tiến hành rà soát, thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan; thống kê, tổng hợp, đánh giá thực trạng việc sử dụng, bố trí đội ngũ công chức hiện có theo các vị trí của từng công chức, người lao động trong từng cơ quan.. Nhằm mục đích xác định chính xác số lượng, cơ cấu công chức hộ tịch được sử dụng hoàn thành nhiệm vụ được giao của từng

cơ quan. Là cơ sở cho công tác tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí, sử dụng, đào tạo đội ngũ công chức phục vụ công tác quản lý công chức hộ tịch, đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, tránh được sự chồng chéo nhiệm vụ giữa các bộ phận, các cá nhân; đảm bảo tinh gọn, hiệu quả của bộ máy, phát huy năng lực, nâng cao trách nhiệm của công chức hộ tịch trong thực thi nhiệm vụ.

- Để đảm bảo được chất lượng và trình độ của công chức làm công tác hộ tịch, Hải Phòng cần chú trọng đến công tác phân công, phân cấp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ; quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong công tác đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo cho công tác này được thực hiện thường xuyên, chủ động và có hiệu quả cao nhất. Đặc biệt trong những năm qua Hải Phòng đã rất chú trọng đến công tác tuyển dụng công chức Tư pháp và đã có nhiều đổi mới tích cực: như đối với cấp xã, thành phố và các quận, huyện đã triển khai mở các lớp nguồn (học viên là các sinh viên đại học mới ra trường sẽ được đào tạo 2 năm về kỹ năng quản lý nhà nước, trình độ trung cấp lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ sau đó sẽ được bố trí về cấp xã để làm việc). Đối với cấp huyện và thành phố, trong năm 2012 Hải Phòng là tỉnh, thành đầu tiên trong cả nước tổ chức thí điểm thi tuyển công chức với mô hình trực tuyến. Với hình thức thi tuyển mới này đảm bảo mọi công dân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật đều có thể tham dự thi tuyển vào vị trí thích ứng một cách minh bạch, khách quan nhất, đây sẽ là cơ hội mới để tuyển chọn được những người tài, có đủ trình độ và năng lực thực sự. Đây là những giải pháp rất hữu hiệu mà Hải Phòng đã áp dụng thành công, chính vì vậy rất cần Đảng và chính quyền quan tâm, triển khai rộng rãi mô hình tuyển dụng công chức mới này.

- Về tăng cường phẩm chất đạo đức, ý thức trách nhiệm của công chức làm công tác hộ tịch cần quán triệt, triển khai thực hiện đúng theo Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03/2/2012 của Bộ Tư pháp về việc ban

hành bản Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp.

Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của công chức làm công tác hộ tịch phải được xây dựng trên cơ sở quán triệt và thể hiện nổi bật tinh thần những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, về công tác Tư pháp và người cán bộ Tư pháp; phát huy truyền thống xây dựng, trưởng thành và phát triển của Ngành và yêu cầu nhiệm vụ, thực tiễn phát triển đất nước trong thời kì mới. Đây là những tiêu chuẩn đạo đức cơ bản và toàn diện về phẩm chất nghề nghiệp của người cán bộ tư pháp gắn liền với đặc trưng, nhiệm vụ, đặc điểm công tác của Ngành Tư pháp, được quán triệt và thực hiện thống nhất đối với cán bộ, công chức toàn Ngành. Bản chuẩn mực là kim chỉ nam cho mọi hoạt động nghề nghiệp của cán bộ, công chức Ngành Tư pháp và là tiêu chí để công chức làm công tác hộ tịch rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là:

- Một là: *Với Tổ quốc*: Trung thành, phấn đấu vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” và Nhà nước Pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Hai là: *Với nhân dân*: Gần dân, hiểu dân, giúp dân; phục vụ nhân dân, bảo vệ, quyền, lợi ích hợp pháp của nhân dân.
- Ba là: *Với công tác Tư pháp*: Trách nhiệm, tận tụy, sáng tạo, kỷ cương, phụng công, chí công vô tư.
- Bốn là: *Với đồng nghiệp*: Đoàn kết, thân ái, hợp tác, cùng tiến bộ.
- Năm là: *Với bản thân*: Nêu gương cần, kiệm, liêm, chính, thượng tôn pháp luật [7].

Đối với đội ngũ công chức Tư pháp- Hộ tịch ở cấp xã:

Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là khâu then chốt có ý nghĩa quyết định trong việc kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức Tư pháp- Hộ tịch cấp xã. Tuy nhiên do trình độ đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch không đồng đều nên phải có bước đi, hình thức phù hợp với từng đối tượng, điều kiện thực tế của từng xã, cần đa dạng hóa các hình thức đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với từng loại đối tượng, loại hình học tập, điều kiện cơ sở vật chất thực tế tại các xã:

- Đối với công chức Tư pháp-Hộ tịch cấp xã trên 50 tuổi cần được bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm theo các chuyên đề với thời gian mỗi đợt 7-10 ngày.

- Đối với công chức Tư pháp-Hộ tịch từ 40-50 tuổi cần có kế hoạch đào tạo trung cấp luật và bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn.

- Đối với công chức Tư pháp-Hộ tịch dưới 40 tuổi cần tập trung đào tạo đại học luật hoặc hành chính, để đáp ứng tiêu chuẩn nghiệp vụ theo quy định và nâng cao năng lực công tác.

- Đối với 2 công chức Tư pháp- Hộ tịch ở quận Kiến An, huyện Vĩnh Bảo có trình độ văn hóa là Trung học cơ sở và 02 công chức ở huyện Tiên Lãng chưa được đào tạo về chuyên môn thì cần khẩn trương cho các công chức này đi học bổ sung, đào tạo nâng cao trình độ văn hóa và chuyên môn để đáp ứng kịp thời yêu cầu của công tác.

- Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng theo chuyên đề để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về văn bản quy phạm pháp luật, về công tác tư pháp và cải cách tư pháp, đặc biệt là trong điều kiện cải cách thủ tục hành chính hiện nay. Tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ như soạn thảo văn bản, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải... để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ công chức quản lý hộ tịch ở cấp xã.

- Có chính sách khuyến khích, động viên, hỗ trợ cho công chức Tư

pháp- Hộ tịch cấp xã học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời có chính sách đào tạo nguồn cán bộ tại chỗ và thu hút những người được đào tạo trung cấp Luật, Đại học Luật về làm việc tại các xã.

Nhằm khắc phục tình trạng đội ngũ công chức Tư pháp-Hộ tịch cấp xã phải kiêm nhiệm nhiều công việc như hiện nay, từng bước chuyên môn hóa, chuẩn hóa chức danh công chức làm công tác hộ tịch phù hợp với mô hình đăng ký hộ tịch một cấp (ủy ban nhân dân cấp xã), phương thức đăng ký và quản lý hộ tịch hiện đại (xây dựng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, tiến tới đăng ký hộ tịch trực tuyến), cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện tối đa cho người dân (giảm giấy tờ, thời gian khi thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch) theo quan niệm chỉ đạo xây dựng Luật Hộ tịch, thì việc quy định chế độ Hộ tịch viên trong Dự án Luật Hộ tịch thực sự cần thiết, theo đó cần quy định: *“Hộ tịch viên là công chức được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh bổ nhiệm để thực hiện nhiệm vụ đăng ký và quản lý hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã”* [17]. Về nguyên tắc, mỗi xã/phường/thị trấn sẽ bổ nhiệm 01 Hộ tịch viên để giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chuyên trách công tác hộ tịch. Tuy nhiên, đối với một số xã, phường, thị trấn có khối lượng công việc không nhiều, mật độ dân số thấp thì hộ tịch viên có thể thực hiện kiêm nhiệm công tác tư pháp khác. Vì vậy, để tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương, cần quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm hộ tịch viên, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đăng ký và quản lý hộ tịch của địa phương. Đối với những xã dân cư ít, công việc hộ tịch không nhiều thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hộ tịch viên kiêm nhiệm công tác tư pháp khác. Hiện nay, ở Hải Phòng đã có trên 60% số xã có 02 công chức Tư pháp- Hộ tịch, Do đó việc quy định chức danh hộ tịch viên sẽ không làm phát sinh thêm biên chế.

3.2.4. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra trong quản lý hộ tịch

Mục đích của công tác kiểm tra, thanh tra trong quản lý hộ tịch là nhằm tháo gỡ, giải quyết những khó khăn, vướng mắc và đề xuất những kiến nghị với các cơ quan cấp trên để điều chỉnh các quy định của pháp luật về hộ tịch cho phù hợp với tình hình thực tiễn. Cùng với đó, kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm trong quản lý và đăng ký hộ tịch, từ đó đưa ra những biện pháp nhằm chấn chỉnh, uốn nắn; đảm bảo công tác đăng ký, quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hải Phòng được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Để công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý hộ tịch đạt hiệu quả cao phải đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau đây:

Một là: nguyên tắc khách quan, công khai, minh bạch:

Khách quan là vô tư không thiên vị, xem xét vấn đề một cách toàn diện, lật đi lật lại vấn đề thật kỹ lưỡng trước khi quyết định. Bởi vì thực tế khách quan là thước đo chân lý. Nếu không đảm bảo nguyên tắc này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền rất dễ bị ngộ nhận, ra quyết định không đúng và do đó sẽ không có pháp chế. Công khai là để cho mọi người có thể biết, minh bạch là không có gì mờ ám, khuất tất, úp mở... Đây là nguyên tắc chung của hoạt động bảo đảm pháp chế và kỷ luật nhà nước.

Hai là: nguyên tắc toàn diện, đồng bộ:

Toàn diện, đồng bộ, hệ thống nghĩa là phải được tiến hành trong mọi bộ phận, mọi lĩnh vực hoạt động hành chính, từ cấp trên xuống cấp dưới, trong mọi khâu, mọi mắt xích của hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch. Và hoạt động thanh tra, kiểm tra phải được thực hiện một cách có tổ chức, theo kế hoạch khoa học.

Ba là: nguyên tắc thường xuyên:

Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, liên tục nhằm phát hiện và khắc phục những lệch lạc, thiếu sót, cũng như vi phạm pháp luật trong hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch hàng ngày.

Bốn là: nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời:

Đây là nguyên tắc đặc trưng của công tác thanh tra, kiểm tra trong quản lý hộ tịch. Nguyên tắc này nhằm đảm bảo phát hiện nhanh chóng, kịp thời những sai sót, vướng mắc từ đó đưa ra những biện pháp ngăn chặn và xử lý những vi phạm trong quản lý và đăng ký hộ tịch. Từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý và đăng ký hộ tịch...

Hiện nay đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở cơ sở còn hạn chế, vì vậy Sở Tư Pháp và Phòng Tư pháp cần giúp cán bộ Tư pháp-Hộ tịch có đủ khả năng đảm đương tốt công việc hiện nay, cụ thể như sau:

- Quán triệt đường lối chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của thành phố và của cấp huyện cho cơ sở.

- Kịp thời điều chuyển những cán bộ quản lý hộ tịch ở xã không phù hợp với công việc đã phân công; xử lý những cán bộ có năng lực quá yếu hoặc vi phạm; tăng cường cho xã những cán bộ hộ tịch có uy tín, năng lực từ các ban, ngành của huyện hoặc từ xã khác đến. Nơi nào, nội bộ mất đoàn kết kéo dài, nhất là có mâu thuẫn trong các cán bộ, công chức chủ chốt, cần phải làm rõ nguyên nhân, mức độ trách nhiệm của từng người và sớm giải quyết dứt điểm bằng con đường tổ chức.

- Có biện pháp thường xuyên bảo vệ cán bộ hộ tịch. Xây dựng mà không bảo vệ, phát triển mà không củng cố thì đội ngũ cán bộ sẽ không lớn mạnh. Trong điều kiện đang cầm quyền và những tác động của mặt trái trong cơ chế thị trường, cán bộ, đảng viên dễ bị sa ngã. Ngoài ý thức rèn luyện của cán bộ, tổ chức đảng phải có những biện pháp quản lý, bảo vệ phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, quan hệ xã hội... của cán bộ thông qua quy chế cụ thể để giữ cán bộ hộ tịch cấp xã được trung thực, trung thành, không có nghi vấn về chính trị, không bị suy thoái, sa ngã.

- Thường trực Thành ủy, Huyện ủy phân công các ủy viên thường vụ,

mỗi người chịu trách nhiệm chỉ đạo một hoặc một số quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Để các đồng chí lãnh đạo có thể gần, sát với cơ sở nhiều hơn, đưa thông tin chỉ đạo của cấp trên xuống cấp dưới một cách nhanh chóng, kịp thời và toàn diện, giúp cấp dưới giải quyết được một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên duy trì họp giao ban định kì hàng quý, 6 tháng và tổng kết cuối năm giữa các Phòng Tư pháp cấp huyện với công chức Tư pháp-Hộ tịch cấp xã. Qua cuộc họp đó, lãnh đạo cấp huyện trực tiếp nghe các xã, ngành báo cáo tình hình chung, những khó khăn, vướng mắc để có hướng chỉ đạo tiếp theo.

- Có kế hoạch thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục theo năm và thanh tra, kiểm tra đột xuất để có thể nắm bắt được tình hình thực tiễn đăng ký và quản lý hộ tịch của cấp dưới, từ đó có những biện pháp xử lý những vi phạm và kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh những sai sót trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

Mặt khác để công tác thanh tra, kiểm tra đạt hiệu quả cao thì bản thân Sở Tư pháp và Phòng Tư pháp cũng phải vững mạnh, công chức làm công tác hộ tịch cấp tỉnh và cấp huyện cũng phải tốt và trong sạch. Công chức làm công tác hộ tịch phải được nâng cao trình độ về mọi mặt, có phong cách công tác khoa học, thật sự là tấm gương tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, kiến thức chuyên môn, ý chí chiến đấu, rèn luyện cho cấp xã noi theo. Có như vậy, sự chỉ đạo của cấp trên mới có tính thuyết phục cao, cán bộ đi chỉ đạo ở cấp xã mới có uy tín thật sự giành được sự tin nhiệm của cấp xã.

3.2.5. Tăng cường mối quan hệ giữa các chủ thể có trách nhiệm trong quản lý hộ tịch

Tiếp tục củng cố mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, các cấp có liên quan; ban hành quy chế phối hợp để bảo đảm tính kết nối, liên thông giữa các

cơ quan quản lý hộ tịch với các cơ quan khác có liên quan trong quản lý và khai thác các thông tin, số liệu về hộ tịch: cụ thể như sau:

- Ngành Tư pháp:

Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch. Tập trung phổ biến, giáo dục pháp luật trong các cơ quan, các tổ chức đoàn thể, cán bộ và nhân dân trong toàn thành phố dưới nhiều hình thức. Từ đó, tạo sự chuyển biến về ý thức tôn trọng và chấp hành tốt các quy định của pháp luật về đăng ký và quản lý hộ tịch trong các cơ quan nhà nước, cán bộ và nhân dân toàn thành phố

Chủ động phối hợp với các cơ quan, ban ngành đoàn thể có liên quan nhằm xác minh làm rõ vấn đề cần giải quyết, tháo gỡ các vướng mắc về công tác hộ tịch đảm bảo đúng pháp luật, tạo điều kiện giải quyết nhanh chóng, thuận lợi các công việc, yêu cầu của dân.

- Ngành Nội vụ:

Chủ trì, phối hợp với ngành Tư pháp tiến hành rà soát thực trạng đội ngũ công chức Tư pháp; tham mưu cho ủy ban nhân dân kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác Tư pháp. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức làm công tác hộ tịch; thay thế, bổ trí những người có năng lực, trình độ đạt tiêu chuẩn theo quy định để đảm nhiệm công việc.

- Ngành Tài chính:

Đảm bảo cân đối ngân sách để bố trí kinh phí cho việc cung cấp sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch, trang bị cơ sở vật chất từng bước hiện đại hóa để phục vụ cho việc đăng ký và quản lý hộ tịch.

- Ngành giáo dục và đào tạo:

Tăng cường tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật hộ tịch trong toàn ngành đối với từng đối tượng học sinh, sinh viên, giáo viên và cán bộ, công chức trong ngành.

- Ngành Công an, Tòa án nhân dân và các sở, ban, ngành khác

Các Sở, ban, ngành của thành phố, đặc biệt là các ngành có liên quan tới các quy trình giải quyết công việc liên quan đến hồ sơ, giấy tờ của cá nhân như: Công an, Tòa án, Lao động-Thương binh và xã hội, Bảo hiểm xã hội... có trách nhiệm quán triệt, nghiên cứu kỹ các quy định về hộ tịch. Không tự đặt ra quy định yêu cầu mà pháp luật hộ tịch không có quy định như yêu cầu cá nhân phải tiến hành thủ tục cải chính hộ tịch trong trường hợp có sự khác biệt giữa giấy tờ, hồ sơ của cá nhân với giấy khai sinh.

Trong giải quyết công việc, khi cơ quan, tổ chức cần xác minh, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân được điều chỉnh các giấy tờ, hồ sơ cá nhân theo đúng nội dung của giấy khai sinh đảm bảo quy định. Giấy khai sinh là giấy tờ gốc của cá nhân các thông tin trong hồ sơ và giấy tờ của cá nhân phải phù hợp với giấy khai sinh của cá nhân, mọi quy trình giải quyết công việc liên quan đến giấy tờ, hồ sơ cá nhân đều phải dựa trên cơ sở giấy khai sinh của cá nhân.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức, đoàn thể:

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, thường xuyên các quy định pháp luật về hộ tịch để không ngừng nâng cao nhận thức và ý thức tự chấp hành pháp luật về hộ tịch cho cán bộ, nhân dân.

- Đài phát thanh:

Phối hợp với ngành Tư pháp trong việc thực hiện, triển khai pháp luật về hộ tịch thông qua Đài phát thanh, truyền hình đến với người dân trên địa bàn thành phố, sắp xếp thời lượng trong chương trình, chuyên trang, chuyên mục về pháp luật hợp lý, phát sóng vào khung giờ phù hợp để người dân có thể dễ dàng tiếp nhận được các thông tin về đăng ký và quản lý hộ tịch.

3.2.6. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho quản lý hộ tịch ở địa phương

Các cấp chính quyền địa phương cần xác định rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác hộ tịch trong việc góp phần xây dựng các chính sách về

kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng và dân số, kế hoạch hóa gia đình, để quan tâm, đầu tư hơn cho công tác này.

Cần dành kinh phí nhất định cho việc mở lớp tập huấn, các đợt tuyên truyền, để người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của mình.

Tại các xã, phường, thị trấn cần trang bị đầy đủ phương tiện làm việc như máy tính, tủ lưu hồ sơ, sổ hộ tịch, bố trí địa điểm tiếp dân...

Đảm bảo điều kiện tốt nhất về vấn đề công nghệ thông tin, mạng Internet nhằm tạo thuận lợi cho việc tra cứu các văn bản, lưu trữ dữ liệu hộ tịch, tài liệu phục vụ cho công tác đăng ký và quản lý hộ tịch.

KẾT LUẬN

Quản lý dân cư nói chung và quản lý hộ tịch nói riêng là lĩnh vực trọng yếu của nền hành chính nhà nước tương tự như quản lý lãnh thổ và quản lý đất đai. Với phạm vi và đối tượng quản lý vô cùng rộng lớn, tác động đến mọi tầng lớp dân cư, việc thiết lập hệ thống dân cư, quản lý hộ tịch luôn là mối quan tâm của mọi quốc gia. Trong những năm gần đây, với những cố gắng của toàn hệ thống quản lý và đăng ký hộ tịch từ cấp trung ương đến cấp cơ sở, đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong công tác hộ tịch. Hoạt động hộ tịch ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong tiến trình xây dựng một xã hội phát triển và được Chính phủ xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng nền hành chính phục vụ.

Có thể nói, công tác đăng ký và quản lý hộ tịch ở thành phố Hải Phòng trong những năm qua đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch được củng cố, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch được tăng cường; hệ thống sổ sách, dữ liệu hộ tịch được lưu trữ và sử dụng lâu dài; tỉ lệ đăng ký hộ tịch đã tăng khá cao, công tác đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài đã có nhiều chuyển biến tích cực; cơ bản đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước cũng như đăng ký hộ tịch phát sinh giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài; Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đăng ký hộ tịch đạt được những thành tựu bước đầu. Đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch; khẳng định vai trò trong quản lý nhà nước và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý và đăng ký hộ tịch ở Hải Phòng còn bộc lộ những hạn chế và yếu kém: hệ thống pháp luật về hộ tịch còn chồng chéo, phức tạp, trình độ của đội ngũ cán bộ Tư pháp-Hộ tịch cấp xã còn hạn chế; dữ liệu hộ tịch bị phân tán, đăng ký quá hạn, đăng ký lại còn chiếm tỉ lệ cao; công tác đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài vẫn còn khá phức tạp....

Vì vậy để nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý và đăng ký hộ tịch trong thời gian tới trên địa bàn thành phố Hải Phòng đề nghị ủy ban nhân dân thành phố và các sở, ban, ngành, các cơ quan hữu quan có liên quan cần quan tâm, chỉ đạo thực hiện các giải pháp làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của các ngành, các cấp của toàn xã hội về vị trí, vai trò, bản chất, tầm quan trọng của hoạt động đăng ký và quản lý hộ tịch trong việc bảo đảm và phát huy quyền con người, quyền công dân, trong quản lý dân cư, quản lý xã hội cũng như trong phát triển kinh tế-xã hội, giữ gìn quốc phòng an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

Qua việc nghiên cứu đề tài “Quản lý hộ tịch- qua thực tiễn ở Hải Phòng” đã phân nào làm sáng tỏ cơ sở lý luận quản lý hộ tịch và thực trạng quản lý và đăng ký hộ tịch ở Hải Phòng, từ đó luận văn đã đề xuất hệ thống giải pháp có tính khả thi để góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý hộ tịch ở Hải Phòng trong giai đoạn hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1998), *Giản yếu Hán - Việt*, quyền thượng, Nxb Đà Nẵng.
2. Bộ Tư pháp (2006), *Hướng dẫn nghiệp vụ Đăng ký và quản lý hộ tịch*, NXB Tư pháp.
3. Bộ Tư pháp (2007), *Nghiệp vụ đăng ký hộ tịch*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2008), *Thông tư 01/2008/ TT-BTP ngày 02/6/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch*, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp (2010), *Tài liệu Hướng dẫn nghiệp vụ Tư pháp xã, phường, thị trấn*, NXB Tư pháp.
6. Bộ Tư pháp (2012), *Báo cáo tổng kết công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.
7. Bộ Tư Pháp (2012), *Quyết định số 2659/QĐ-BTP ngày 03/2/2012 về việc ban hành bản Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức ngành Tư pháp*, Hà Nội.
8. Chính phủ (2002), *Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2005), *Chỉ thị 03/2005/CT-TTg ngày 25/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2005), *Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2006), *Nghị định 69/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài*, Hà Nội.

12. Phạm Trọng Cường (2004), *Về quản lý hộ tịch*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
13. Phạm Trọng Cường (2007), *Từ quản lý đình đến quản lý hộ tịch*, NXB Tư Pháp, Hà Nội.
14. Nguyễn Văn Đạm (1999), *Từ điển tường giải và liên tưởng tiếng Việt*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
15. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Trần Thị Lệ Hoa, (2013), “Thực trạng đội ngũ công chức Tư pháp- Hộ tịch và yêu cầu chuẩn hóa”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (Chuyên đề pháp luật về hộ tịch năm 2013), Bộ Tư pháp.
18. Phạm Hồng Hoàn (2012), *Quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp xã, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ hành chính công, Học viện hành chính.
19. Học viện hành chính (2008), *Giáo trình Quản lý hành chính - Tư pháp*, NXB Khoa Học.
20. Bửu Kế (1999), *Từ điển Hán - Việt từ nguyên*, Nxb Thuận Hóa, TPHCM.
21. Nguyễn Văn Khôn (1960), *Hán -Việt từ điển*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn.
22. Nguyễn Hữu Lạc (2013), *Tập bài giảng quản lý nhà nước về hộ tịch*.
23. Nguyễn Lân (chủ biên) (1989), *Từ điển từ và ngữ Hán -Việt*, Nxb TPHCM.
24. Trần Thúc Linh (1965), *Danh từ pháp luật lược giải*, NXB Khai Trí.
25. Nguyễn Phương Nam (2013), “Giải pháp nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ Tư pháp- hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (6), Bộ Tư pháp.
26. Lê Ngọc (2012), “Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch - những vướng mắc”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (7), Bộ Tư pháp.

27. Nhà xuất bản Lao Động (2008), *Sách Quy định mới hướng dẫn đăng ký và quản lý hộ tịch*, NXB Lao Động, Hà Nội.
28. Nguyễn Xuân Phương (2012), “Công tác lưu trữ sổ hộ tịch và tra cứu dữ liệu hộ tịch ở thành phố Hà Nội”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (Chuyên đề tháng 9), Bộ Tư pháp.
29. Sở Tư pháp (2010), *Kỷ yếu ngành Tư pháp Hải Phòng*- NXB Hà Nội.
30. Sở Tư pháp Hải Phòng (2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013), *Báo cáo công tác tư pháp*, Hải Phòng.
31. Sở Tư Pháp thành phố Hồ Chí Minh (2006), *Cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*.
32. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, (2013), “Áp dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý hộ tịch tại thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật số chuyên đề pháp luật về hộ tịch*, Bộ Tư pháp.
33. Nguyễn Thanh (2013), “Sử dụng nhiều giấy khai sinh”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (1), Bộ Tư pháp.
34. Phan Văn Thiết (1958), *Cuốn tài liệu chuyên khoa*.
35. Hoàng Trúc Trâm (1974), *Hán -Việt tân từ điển*, Tân Sanh ấn quán, Sài Gòn.
36. Trung tâm thông tin khoa học-Viện nghiên cứu lập pháp (2013), *Một số vấn đề lý luận và so sánh pháp luật về hộ tịch*.
37. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2010), *Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
38. Đinh Trung Tụng, (2013), “Quan điểm chỉ đạo, định hướng xây dựng dự án luật hộ tịch”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (Chuyên đề pháp luật về hộ tịch), Bộ Tư pháp.
39. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (2013), *Báo cáo thực hiện nhiệm vụ kinh tế- xã hội năm 2013*, Hải Phòng.
40. Nguyễn Thanh Xuân (2013), “Cần thống nhất thủ tục đăng ký khai sinh”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, (11), Bộ Tư pháp.

Trang Web

41. <http://haiphong.gov.vn/Portal/Default.aspx>
42. <http://www.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>
43. <http://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/default.aspx>